

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới đang lâm vào tình trạng khủng hoảng, nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Bởi vậy, các doanh nghiệp cần tạo cho mình lợi thế cạnh tranh để tồn tại và phát triển, đó là sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau và sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

Vậy dựa vào đâu để có thể biết được một doanh nghiệp là đang phát triển, có khả năng phát triển hoặc đứng trước nguy cơ phá sản - chính là thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp, ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp như thế nào. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán như thế nào và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em đã chọn đề tài: “ Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt” cho bài khoá luận của mình.

Nội dung của khoá luận được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tài Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về công ty còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong được sự góp ý trao đổi kiến thức của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán của công ty nhằm giúp khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân nói chung và trong doanh nghiệp nói riêng.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp quản lý được tổng doanh thu, tổng chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Quản lý tốt chi phí, tăng doanh thu từ đó thu được kết quả kinh doanh chính xác giúp doanh nghiệp có những thông số tài chính nhằm hiểu rõ hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mục đích cuối cùng trong kinh doanh đối với bất kỳ doanh nghiệp nào là tối đa hóa lợi nhuận và phát triển bền vững. Tuy nhiên, trước khi tạo ra được lợi nhuận doanh nghiệp đã phải đầu tư và tốn rất nhiều chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh. Chính vì vậy tiết kiệm được càng nhiều chi phí, tăng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ tăng lên. Vì vậy nắm vững được công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả sẽ biết được tổng chi phí, kiểm soát và giảm các chi phí, đưa ra các chiến lược kinh doanh có hiệu quả nhằm tăng doanh thu, đồng thời đưa ra các quyết định đúng đắn trong kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh cho tương lai, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

1.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1.1. Các khái niệm cơ bản về doanh thu.

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát

sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ từ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không được coi là doanh thu.

Doanh thu bao gồm:

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty....

- *Doanh thu hoạt động tài chính*: là giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Các khoản giảm trừ doanh thu*: là số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

+ *Chiết khấu thương mại*: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

+ *Giảm giá hàng bán*: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

+ *Giá trị hàng bán bị trả lại*: là giá trị khối lượng hàng bán xác định là

Ngoài ra, các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm: đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán

+ *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế đánh vào hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

+ *Thuế xuất khẩu*: là sắc thuế đánh vào giá trị hàng hóa giữa các quốc gia

+ *Thuế Giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp*: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất tới tiêu dùng.

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ

- *Thu nhập khác*: là khoản thu góp phần làm tăng thêm vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.2. Các khái niệm cơ bản về chi phí.

Chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch... nhằm mua được các hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trong doanh nghiệp thương mại bao gồm:

- *Giá vốn hàng bán – Tài khoản 632*: là giá trị hàng xuất kho. Giá vốn phụ thuộc vào phương pháp tính giá xuất kho của doanh nghiệp.

- *Chi phí tài chính – Tài khoản 635*: là các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- *Chi phí quản lý kinh doanh – Tài khoản 642*: là chi phí phục vụ cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

- *Chi phí khác – Tài khoản 811*: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – Tài khoản 821*: là số thuế TNDN phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

1.1.1.3. Các khái niệm cơ bản về xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là kết quả doanh nghiệp đạt được sau một kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua đó, doanh nghiệp có thể xác định được lợi nhuận đạt được là bao nhiêu, từ đó có những chiến lược kinh doanh hiệu quả.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

- *Tổng lợi nhuận trước thuế*: là tổng kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Tổng lợi nhuận sau thuế*: là số chênh lệch giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

1.1.2. Nguyên tắc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.1.2.1.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu.

- Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các Chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

- Khi ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy và được ghi nhận trong kỳ theo kết quả công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó.

Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại, theo từng khoản doanh thu theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu bao gồm các khoản phụ thu, phí thu thêm ngoài giá bán.

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Không hạch toán vào Tài khoản 511 các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được xác định là đã bán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi đại lý, ký gửi(chưa xác định là đã bán).

+ Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Về nguyên tắc, cuối kỳ kế toán doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh. Các tài khoản thuộc loại tài khoản doanh thu không có số dư cuối kỳ.

1.1.2.1.2. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm doanh thu.

- Tài khoản chỉ phản ánh khoản chiết khấu thương mại khi bán hàng được ghi trên hóa đơn hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng, chỉ phản ánh giá trị của số hàng bị trả lại đúng bằng số lượng hàng bị trả lại nhân đơn giá bán ghi trên hóa đơn và chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn. Không hạch toán vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn và được trừ vào tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn.

- Trong kỳ hạch toán, các khoản giảm trừ doanh thực tế phát sinh được phản ánh vào bên nợ tài khoản 521. Cuối kỳ kết chuyển tổng số tiền giảm trừ doanh thu vào tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần thực tế trong kỳ.

1.1.2.2. Nguyên tắc kế toán chi phí.

Các khoản chi phí được tập hợp để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ kế toán của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

Hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp cụ thể mà có thể mở thêm một số nội dung chi phí khác, nhằm giúp cho nhà quản trị có thể theo dõi và kiểm tra sự phát sinh chi phí.

Mỗi doanh nghiệp chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thương xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ và được áp dụng nhất quán ít nhất một trong hai niên độ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị vật tư, hàng hóa mua vào trong kỳ để xác định giá trị vật tư, hàng xuất sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh và trị giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

Chỉ hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi bù trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

1.1.2.3. Nguyên tắc hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 911 phải phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh có thể được hạch toán chi tiết theo từng hoạt động, trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ tùy theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

Các khoản doanh thu và thu nhập khác được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để làm tốt công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần nắm vững các nhiệm vụ sau đây:

- Ghi chép, phản ánh, theo dõi kịp thời, chính xác công tác mua hàng, bán hàng về mặt số lượng, chất lượng, giá cả của các loại hàng mua, hàng bán và thời điểm mua hàng, bán hàng theo từng phương thức mua hàng, bán hàng

- Theo dõi, kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch mua hàng, bán hàng theo từng nguồn hàng, từng hợp đồng, từng đơn hàng, từng khách hàng, từng loại hàng và tính hình thành toán tiền hàng.

- Xác định kịp thời, chính xác giá thực tế của hàng đã mua, tính toán chính xác tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng mặt hàng, hóa đơn, khách hàng và từng đơn vị trực thuộc, xác định cụ thể giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ và phân bổ chi phí thu mua cho từng mặt hàng đã tiêu thụ.

- Quản lý thu hồi tiền hàng, khách nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, lô hàng, số tiền, thời hạn thanh toán và tình hình thanh toán.

- Tập hợp đầy đủ, chính xác chi phí bán hàng thực tế phát sinh, phân bổ hợp lý, kết chuyển đúng quy định các chi phí bán hàng cho hàng đã tiêu thụ.

- Tham mưu các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh quay vòng vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng thường xuyên nhạy bén các thông tin về mua hàng, tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán và kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin mua, bán hàng cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

1.2.Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1.Kế toán doanh thu và các khoản giảm doanh thu

1.2.1.1.Kế toán doanh thu.

1.2.1.1.1.Chứng từ sử dụng.

Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)

- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)

- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

1.2.1.1.2. Tài khoản sử dụng.

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hoá xuất biếu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 3331 - Thuế GTGT chi tiết TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra

Tài khoản này áp dụng chung cho đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Tài khoản 515 “ *Doanh thu hoạt động tài chính* ” dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 711 “ *Thu nhập khác* ” dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập, không phản ánh các khoản chi phí.

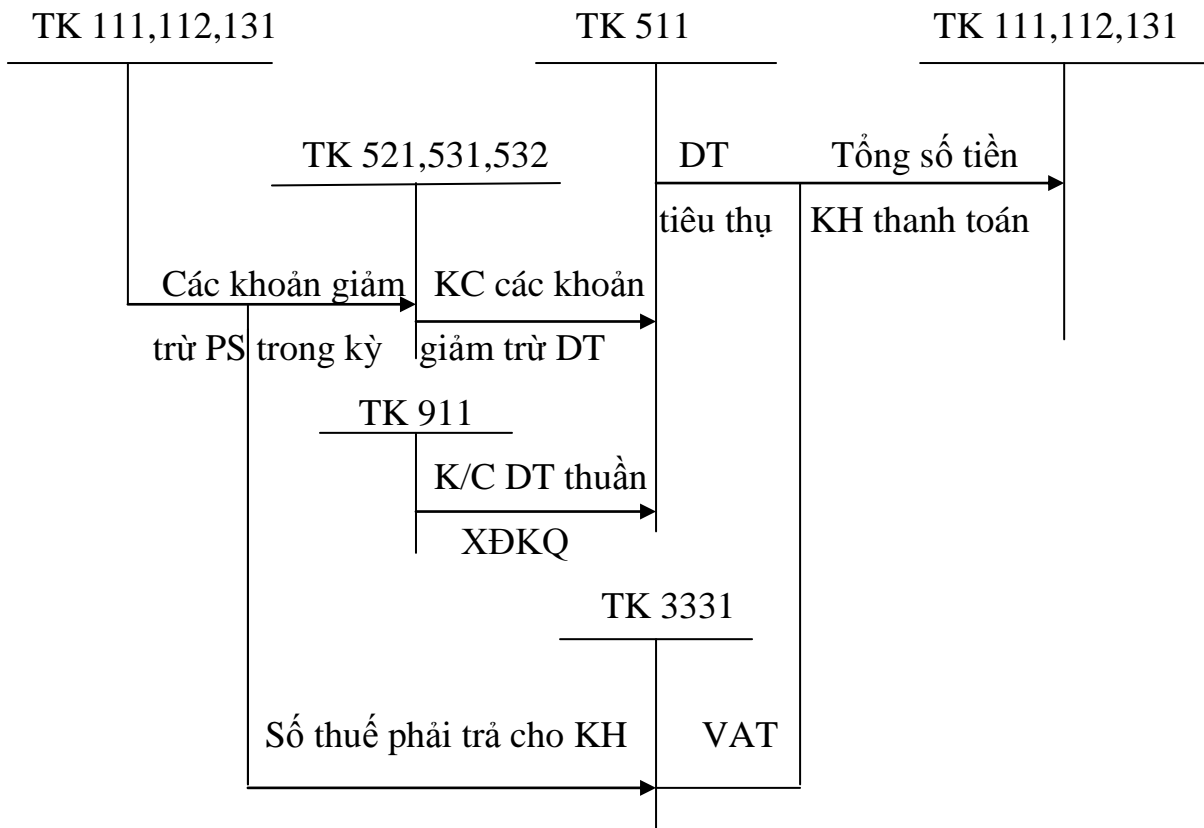
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

*** TH 1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

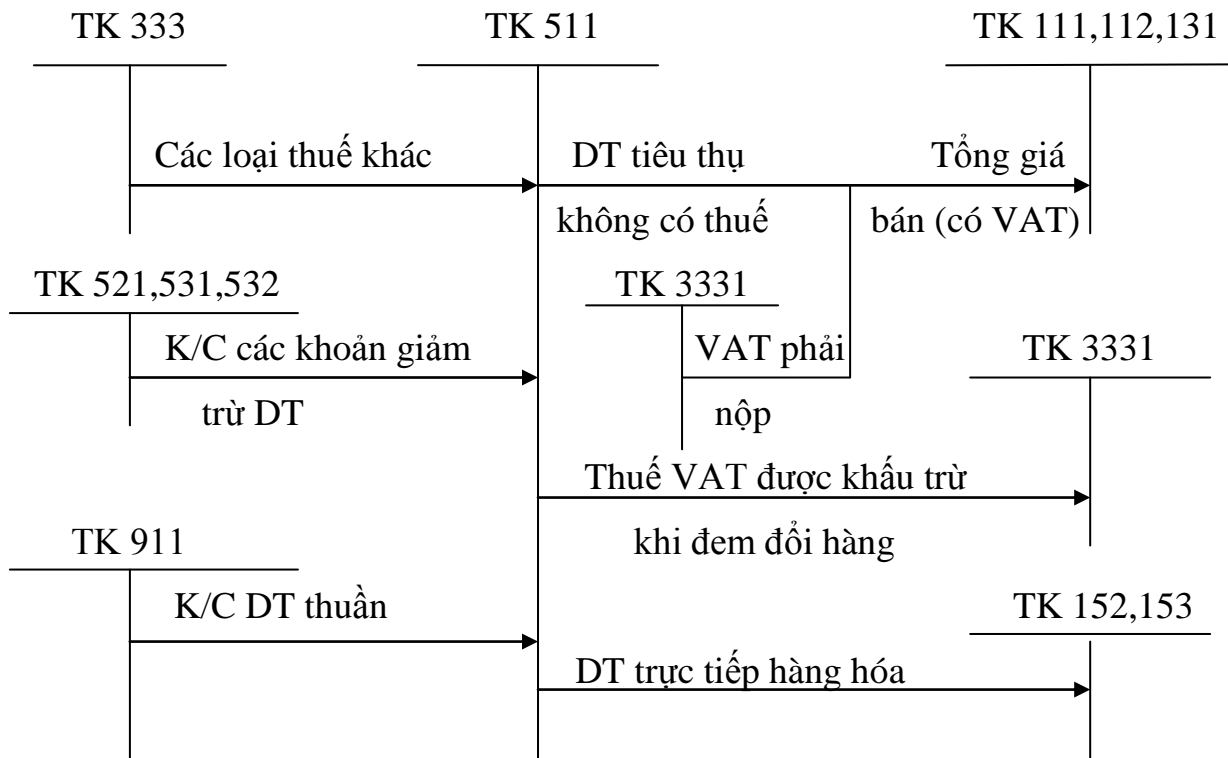
Sơ đồ 1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



*** TH 2: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ nhận**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

Sơ đồ 2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận



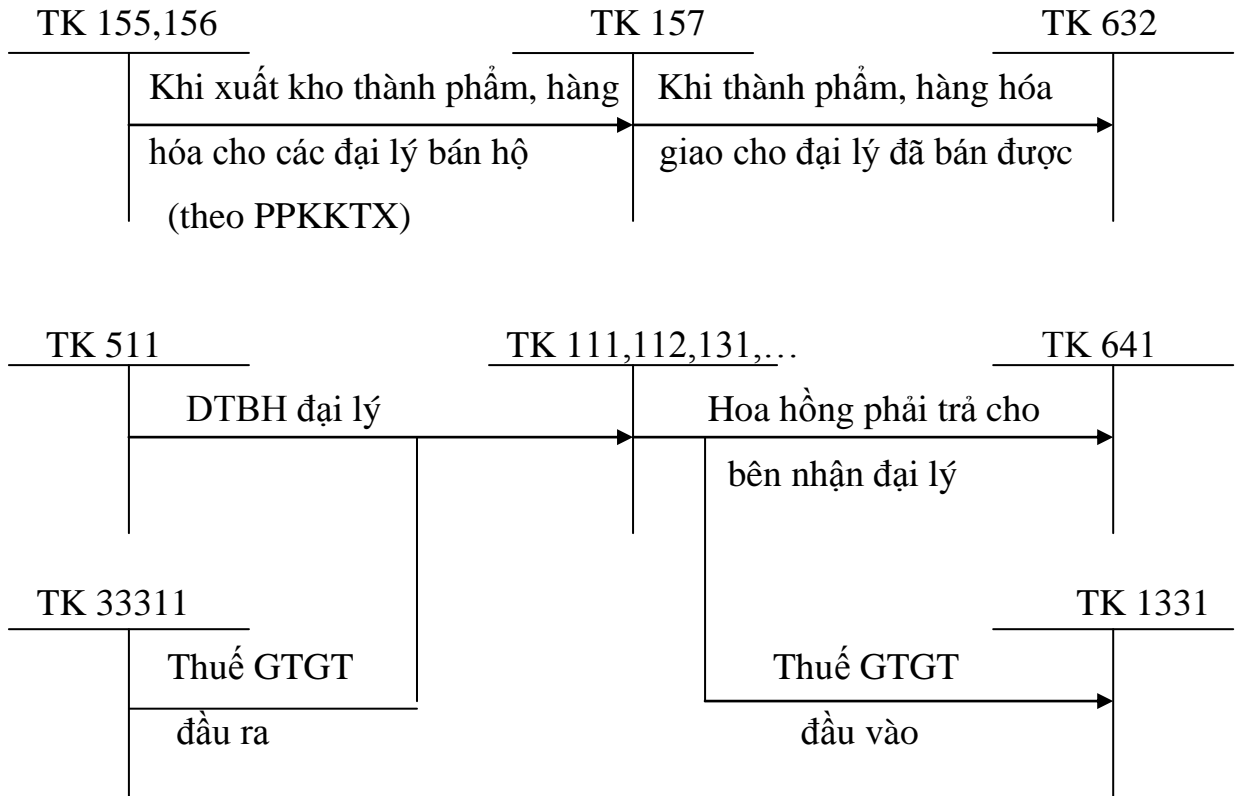
*** TH 3: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

- Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

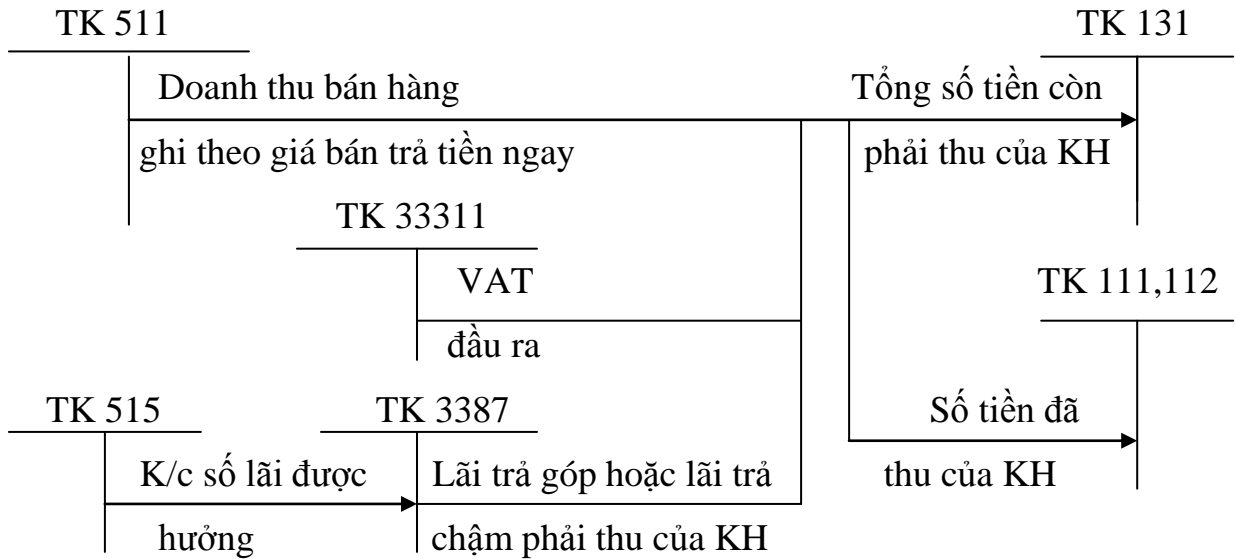
Sơ đồ 3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



*** TH 4: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

Sơ đồ 4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản phù hợp để lập báo cáo tài chính.

1.2.1.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

1.2.1.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

TK 521 không có số dư cuối kỳ và gồm 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo.

Chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trong hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641.

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào TK này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán mất, kém phẩm chất...

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

- Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp: sử dụng TK 3331

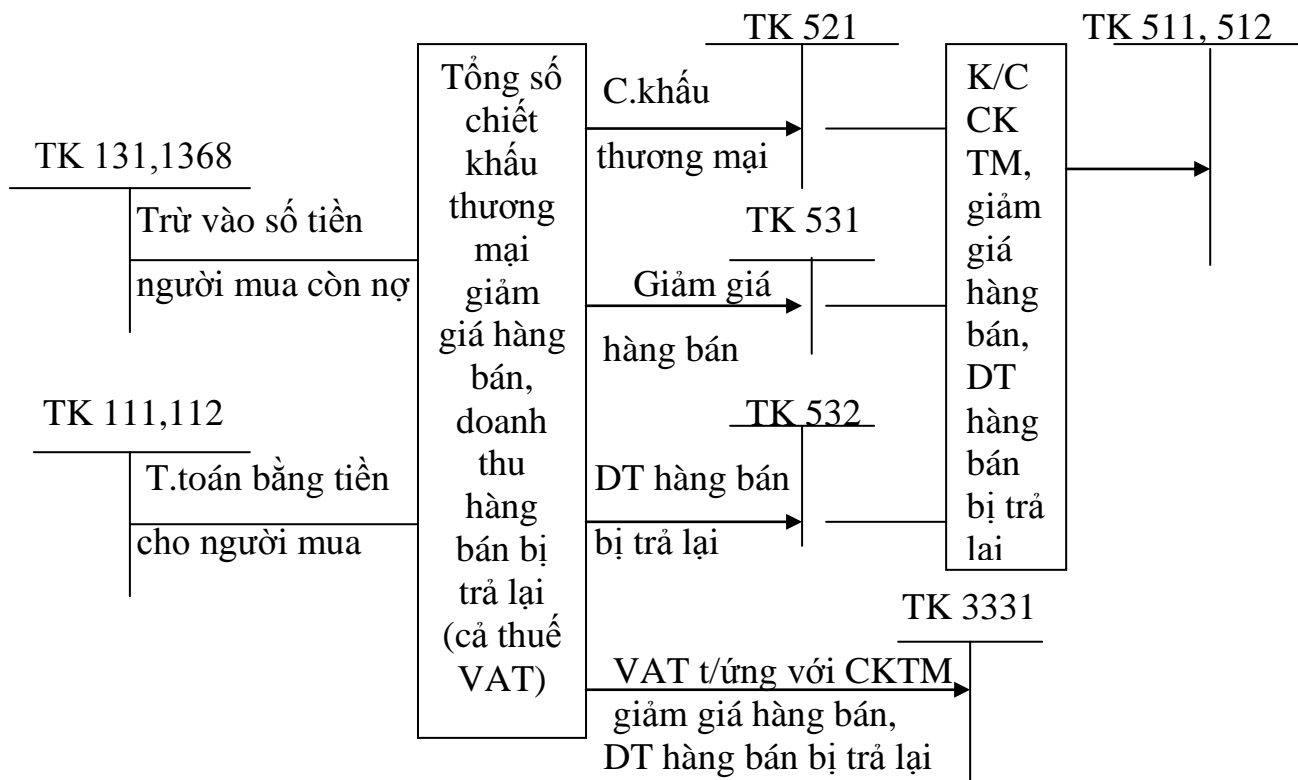
- Thuế TTĐB: sử dụng TK 3332

- Thuế xuất khẩu: sử dụng TK 3333

1.2.1.2.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

Sơ đồ 5: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



1.2.2. Kế toán chi phí.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn thuế GTGT.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có.
- Bảng kê thanh toán tạm ứng.
- Các chứng từ khác có liên quan,....

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Chỉ hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi bù trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

- Các phương pháp tính giá xuất kho.

+ Kê toán tổng hợp chi phí, tính giá thực tế tài sản mua vào:

Trị giá thực tế tài sản mua vào = Trị giá mua ghi trên hóa đơn + Chi phí thu mua thực tế phát sinh + Thuế không được hoàn lại - Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng

+ Kê toán tính giá trị hàng hóa đã tiêu thụ:

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất bán tiêu thụ trong kỳ = Trị giá vốn thực tế của hàng hóa còn lại đầu kỳ + Trị giá vốn thực tế của hàng hóa mua vào trong kỳ - Trị giá vốn thực tế của hàng hóa gửi bán trong kỳ - Trị giá vốn thực tế của hàng hóa tồn kho còn lại cuối kỳ.

Theo chế độ kế toán hiện hành – Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ và tùy theo đặc điểm kinh doanh của từng doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá vốn hàng xuất kho = Lượng hàng xuất kho x Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền

Giá vốn bình quân gia quyền lại được tính theo một trong hai cách:

+ Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kê toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ = (Trị giá hàng tồn đầu kỳ + Tổng giá trị hàng nhập trong kỳ) / (Lượng hàng tồn đầu kỳ + Tổng lượng hàng nhập trong kỳ)

+ Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập i = Trị giá hàng tồn sau lần nhập i / Lượng hàng tồn sau lần nhập i

Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần xuất j = Trị giá hàng tồn dòng kê trên xuất / Lượng hàng tồn kê trên xuất

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau lần nhập kê trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

Mỗi chủng loại khác nhau phải tính giá cho từng mặt hàng tương ứng.

Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO): kế toán giả định hàng nhập sau sẽ xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

- Phương pháp giá đích danh: giá của hàng tồn kho sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy loại đấy.

Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng ” dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

Tài khoản này có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí khác bằng tiền.

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp ” dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

Tài khoản 635 “ Chi phí hoạt động tài chính ” dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 “ Chi phí khác ” dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ” dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát

sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

1.2.2.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

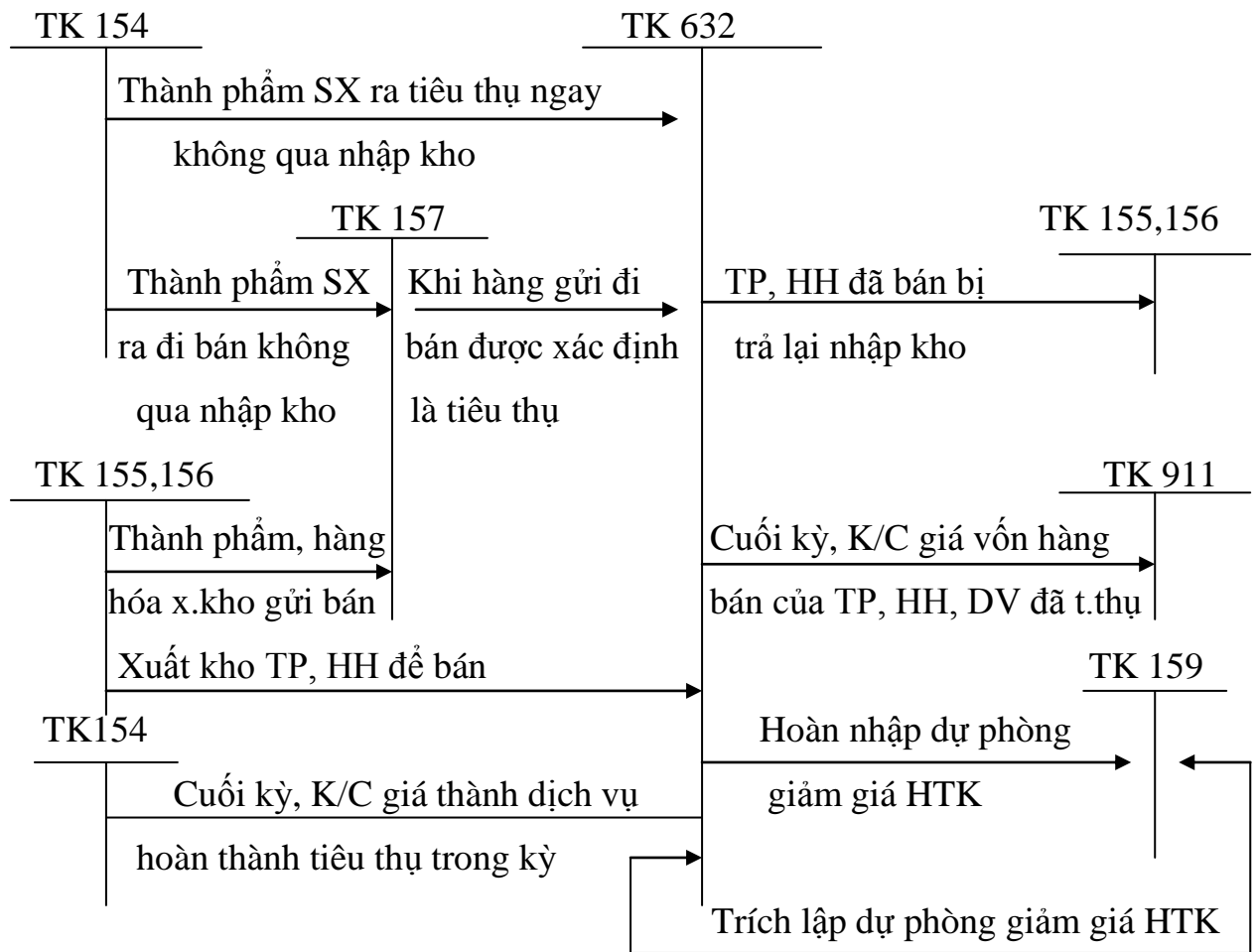
Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KCTX)

Phương pháp KCTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

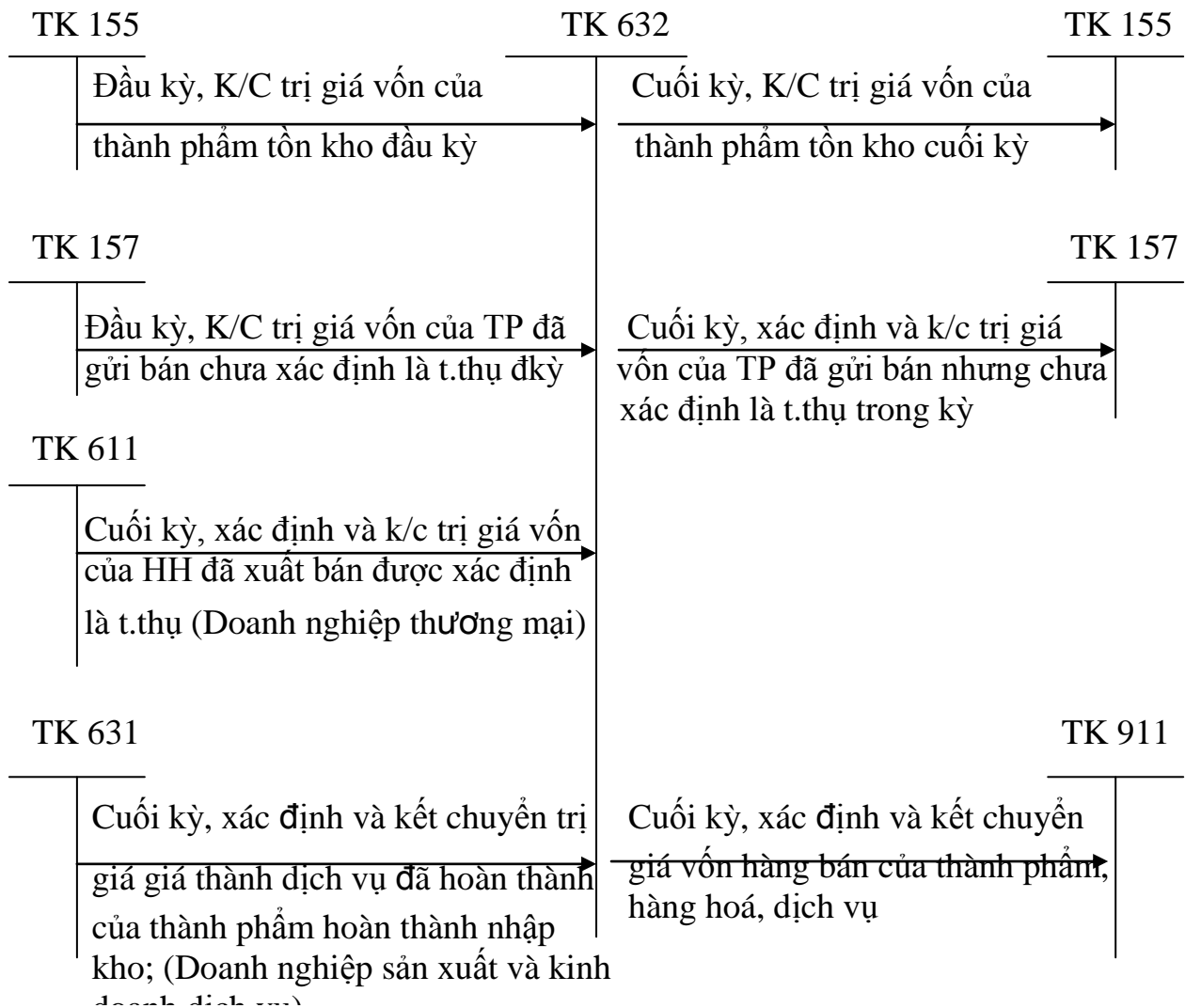
Sơ đồ 6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



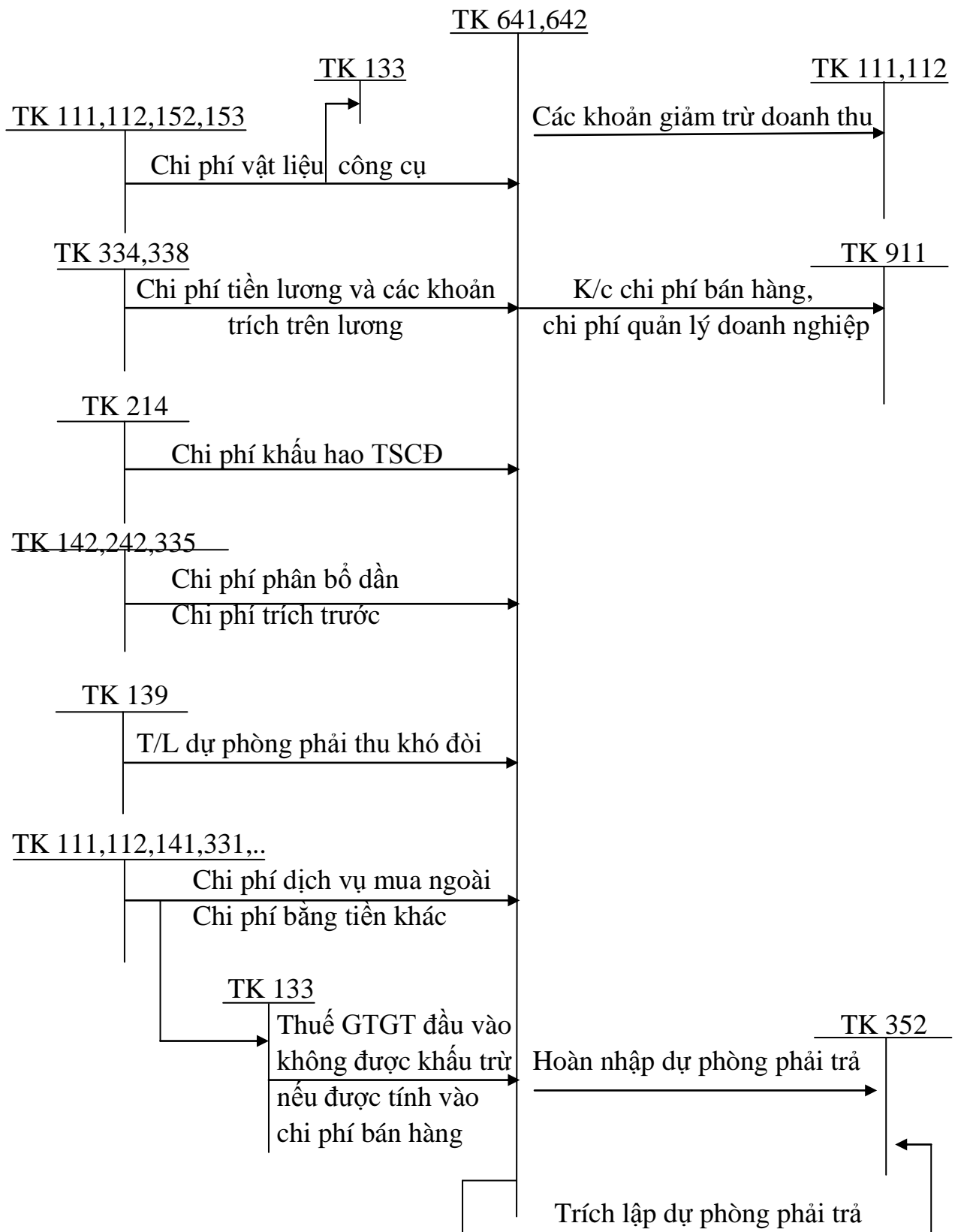
Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

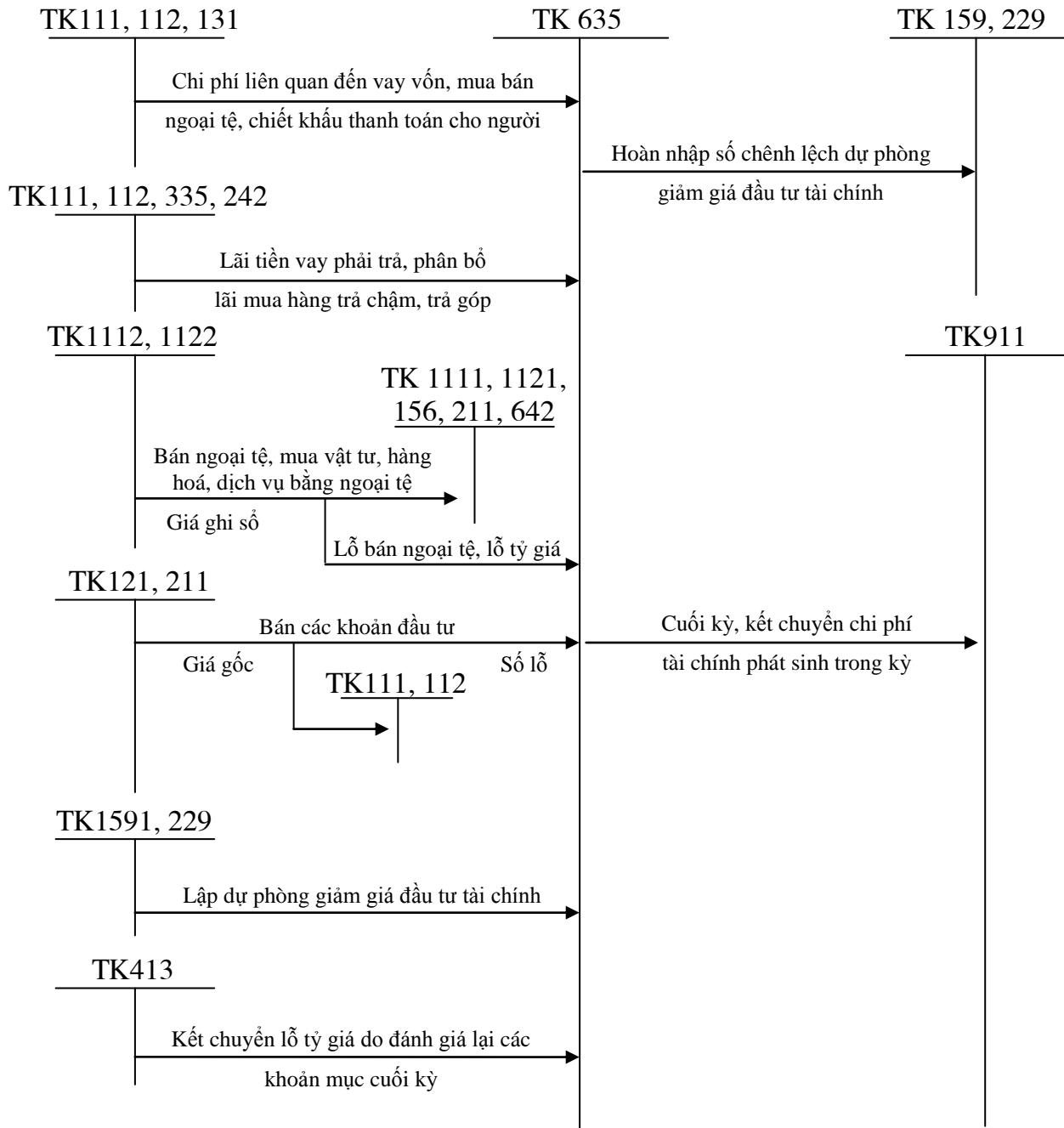
Sơ đồ 7: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



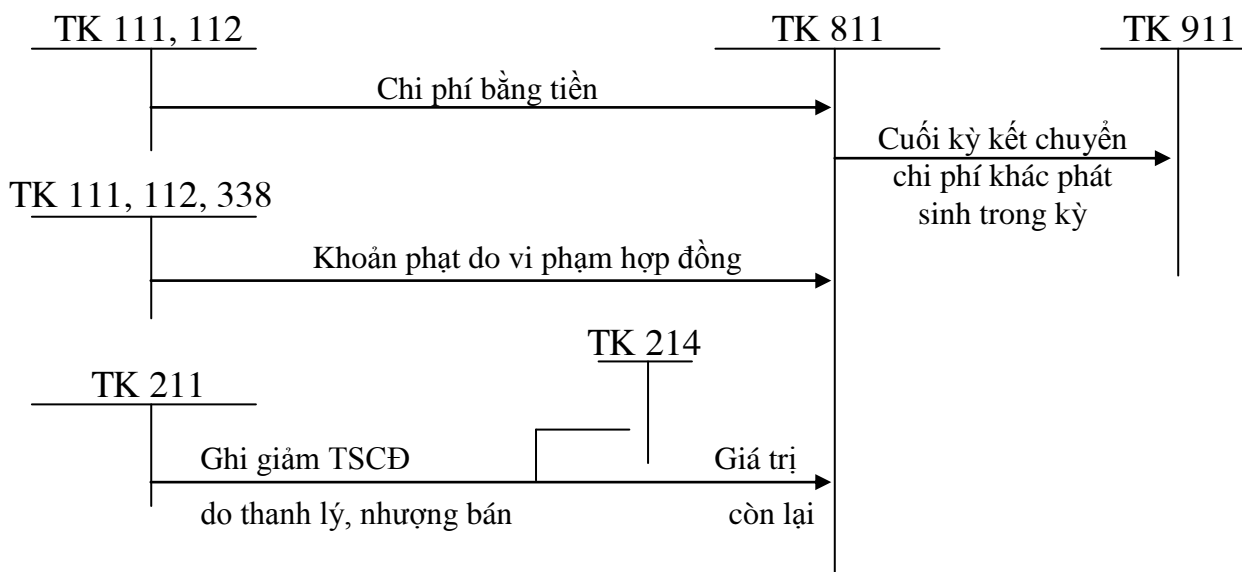
Sơ đồ 8: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 9: Hạch toán chi phí tài chính



Sơ đồ 10: Hạch toán chi phí khác



1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả và một số sổ liên quan khác.

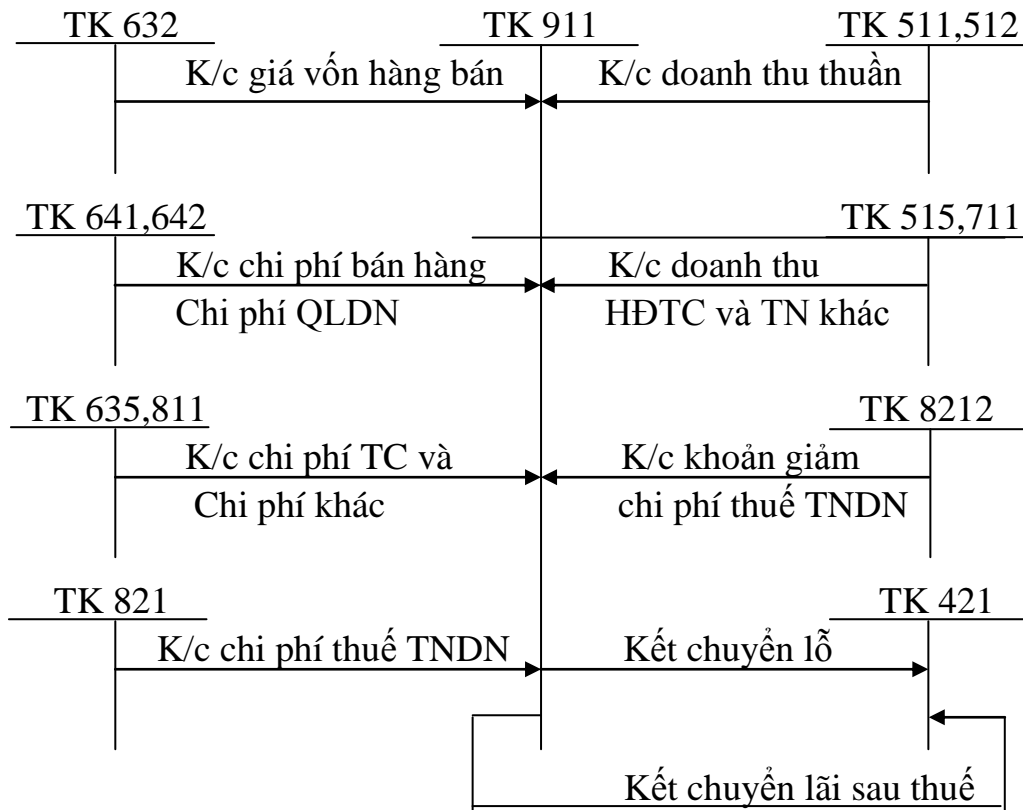
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ hoạch toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

Sơ đồ 11: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách trong tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Hình thức kế toán là việc quy định mở những loại sổ sách kế toán nào đó để phản ánh các đối tượng kế toán, kết cấu của từng loại sổ, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối quan hệ giữa các loại sổ.

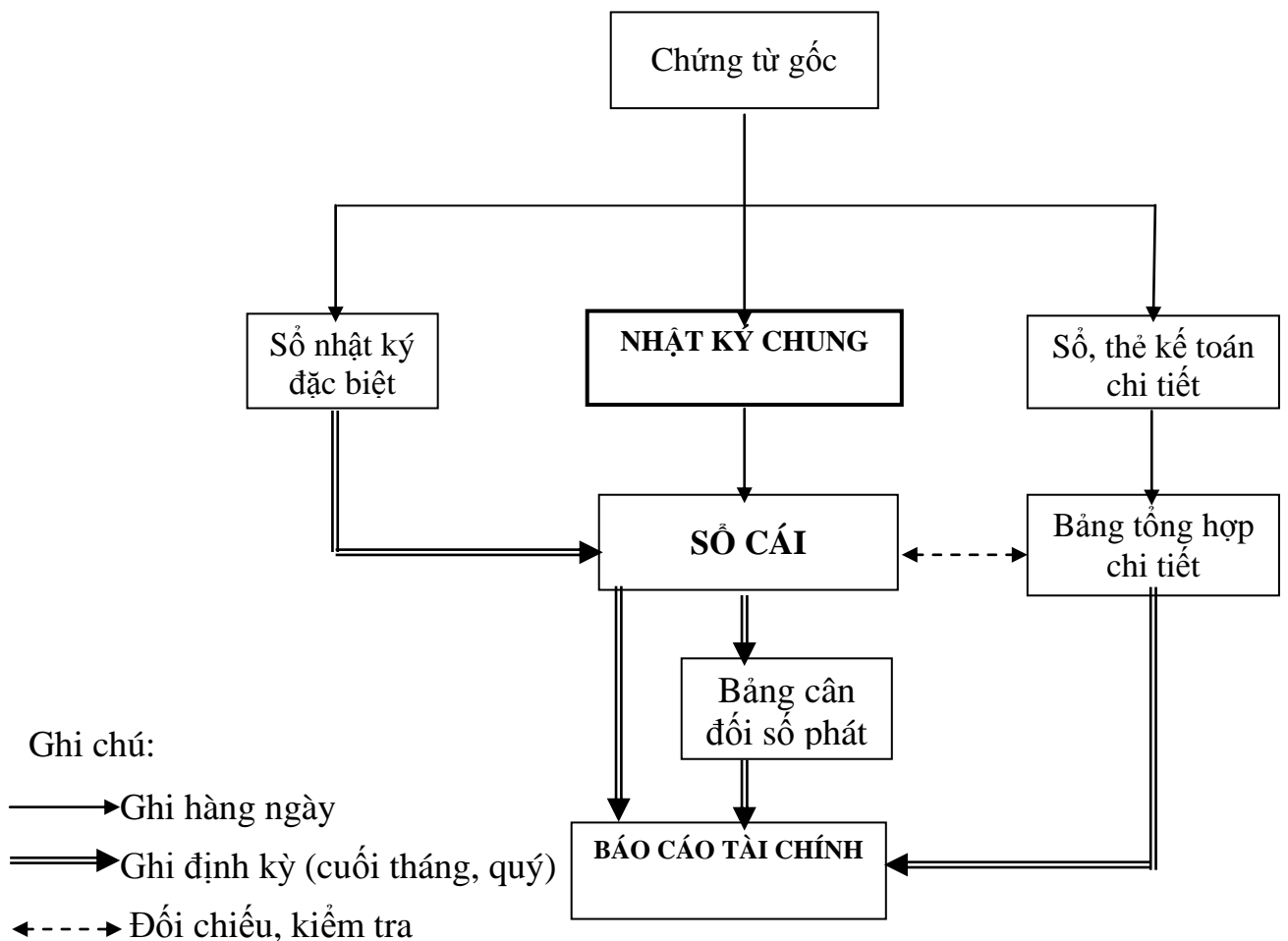
Theo chế độ kế toán hiện hành có 5 hình thức kế toán được sử dụng như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản:
 - + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung.
 - + Ghi và định khoản theo thời gian phát sinh nghiệp vụ.
 - + Lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- Các loại sổ kế toán chủ yếu:
 - + Sổ Nhật ký chung.
 - + Sổ cái.
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt

Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt có trụ sở chính đặt tại thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thành lập được xác định là 11.000.000.000 tiền mặt.

Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về sản xuất kinh doanh, có con dấu riêng, mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước.

Trong giai đoạn đầu Công ty đi vào hoạt động do cơ chế quản lý không được chặt chẽ, cùng với sự non trẻ về kinh nghiệm quản lý và sản xuất của một đơn vị mới được thành lập, vì vậy kết quả đạt được không cao. Với sự đồng tâm nhất trí, đoàn kết, gắn bó, cán bộ công nhân viên công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cấp trên giao phó. Đến nay cùng với đà phát triển công ty ngày càng đổi mới, nâng cao trang thiết bị, bổ sung nhiều máy móc mới, nâng cao tay nghề cho nhân viên.

Hiện nay công ty đang trên đà phát triển tốt. Đời sống của người lao động được cải thiện, mức thu nhập bình quân khá cao.

Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt có đội ngũ thuyền viên lành nghề có kinh nghiệm chuyên môn cao thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật.

Ngoài ra công ty còn trang bị những máy móc thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Đến nay công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt đã khẳng định được uy tín trên thị trường, tạo niềm tin cho các đối tác làm ăn.

Công ty không chỉ bằng lòng về kết quả đạt được, để đảm bảo cho sự phát triển và tồn tại của công ty, công ty đã không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý và tổ chức của mình.

Hiện tại công ty có 2 tàu đang hoạt động chính: 1 tàu sông và 1 tàu biển. Có 40 thuyền viên và 20 nhân viên. Cơ sở vật chất bao gồm văn phòng, nhà xưởng, ô tô, trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy fax, máy photo, máy bơm, máy đèn, máy cầu, máy phát, máy nổ, máy dò tín hiệu vệ tinh...

2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt

Công ty được thành lập để huy động vốn và sử dụng vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông và không ngừng đóng góp cho ngân sách Nhà nước theo luật định, phát triển công ty ngày càng vững mạnh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm:

- Xuất khẩu vật tư thiết bị máy móc và các sản phẩm khai thác được phép của Nhà nước.
- Buôn bán vật tư thiết bị máy móc.
- Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm dầu mỏ.
- Đại lý hàng hải và dịch vụ hàng hải.
- Xây dựng công trình dân dụng và dịch vụ hàng hải.
- Vận tải hàng hoá, xăng dầu đường thuỷ, vận tải biển viễn dương.

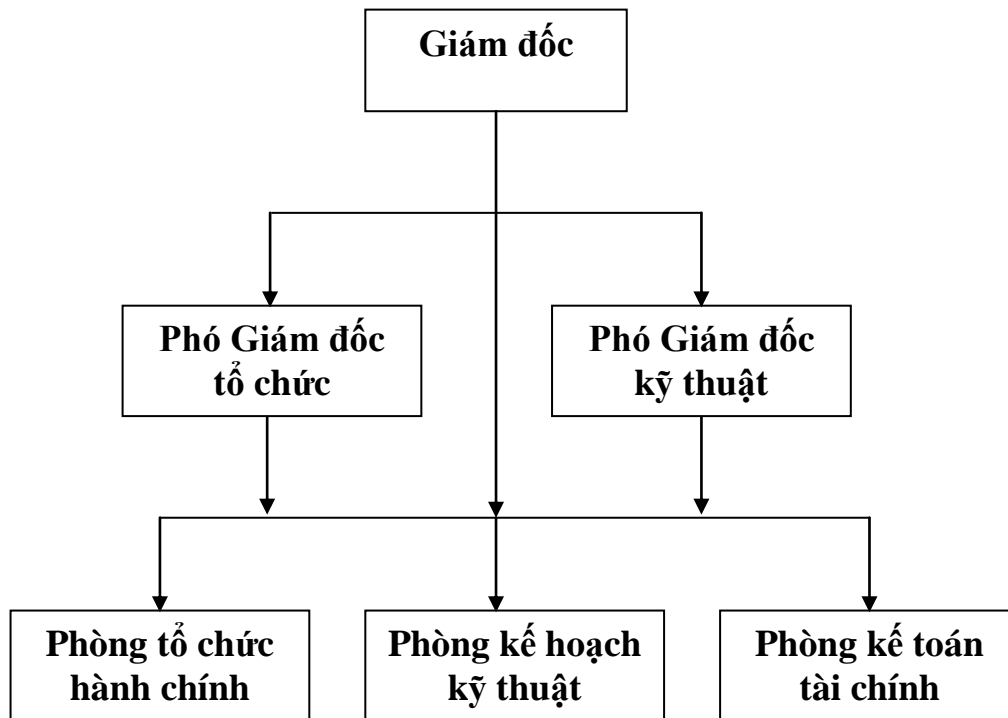
Công ty có trách nhiệm sử dụng vốn hiệu quả, tài sản và các nguồn vốn, đảm bảo kinh doanh có lãi và có mức lợi nhuận tối thiểu ít nhất bằng kế hoạch đề ra. Phải có nhiệm vụ thực hiện hạch toán kinh doanh theo quy định về phân cấp quản lý tài chính của công ty. Đăng ký kinh doanh đúng ngành nghề.

Thực hiện nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đời sống cho người lao động, chăm lo phát triển nguồn nhân lực để thực hiện chiến lược phát triển chung và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, nộp các khoản thuế theo quy định

2.1.3. Tổ chức bộ máy tại công ty

Cơ cấu bộ máy tổ chức của công ty được bố trí hợp lý, khoa học phù hợp với yêu cầu công tác cụ thể của từng bộ phận



Sơ đồ 2.1
Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của công ty

*** Ban giám đốc công ty bao gồm:**

- 1 giám đốc phụ trách chung toàn công ty
- 1 phó giám đốc tổ chức phụ trách về công tác tổ chức, lao động, văn hoá, đời sống
- 1 phó giám đốc kỹ thuật phụ trách về kỹ thuật, an toàn lao động và môi trường kinh doanh.

*** Bộ máy tổ chức quản lý bao gồm các phòng chức năng**

- Phòng tổ hành chính: là bộ phận tham mưu giúp giám đốc công ty trong cách tổ chức mạng lưới và công tác cán bộ toàn công ty. Hướng dẫn chỉ đạo công tác tiền lương và các chính sách đối với người lao động trong công ty. Quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật toàn công ty, trực tiếp thực thi các công việc hành chính, văn thư, công tác tổ chức, lao động tiền lương văn phòng, đời sống y tế.

- Phòng kế hoạch kỹ thuật:

Là bộ phận tham mưu cho giám đốc về công tác kế hoạch của công ty. Lập, đơn đốc và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch kinh doanh. Tham mưu cho giám đốc về phương hướng và chiến lược kinh doanh của công ty. Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thống kê về thông tin kinh tế nội bộ. Lập kế hoạch, triển khai và quản lý các dự án đầu tư.

- Phòng kế hoạch tài chính:

Tổ chức việc thực hiện công tác hạch toán quá trình sản xuất kinh doanh của toàn công ty, cung cấp các thông tin chính xác, cần thiết để ban giám đốc ra các quyết định tối ưu có hiệu quả cao.

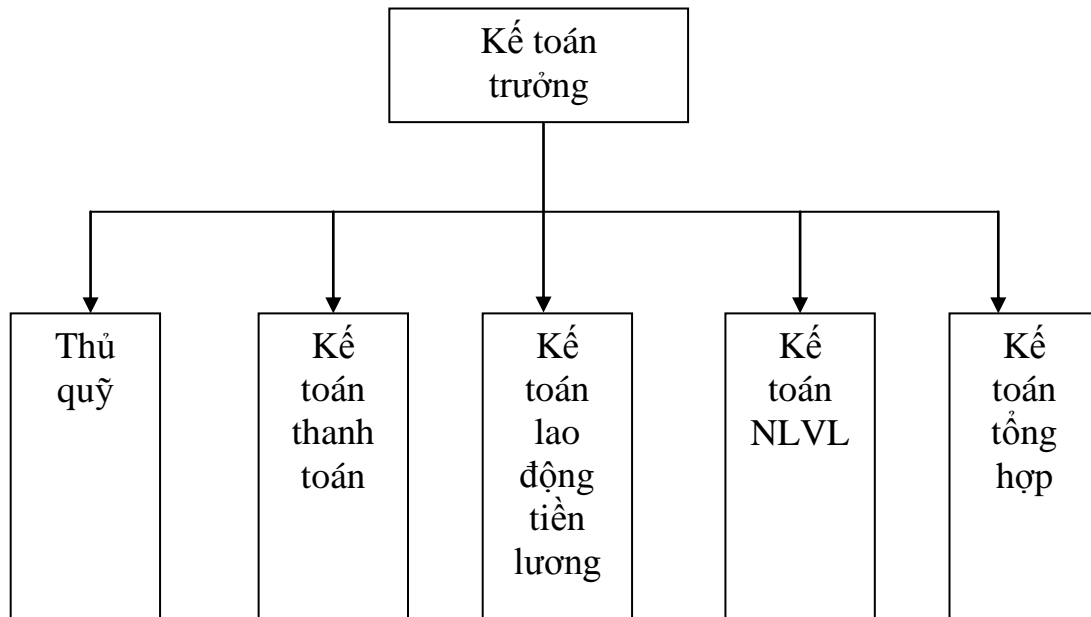
Giúp giám đốc trong việc điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ, sử dụng tài sản, vật tư tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh và chủ động trong tài chính công ty

Kiểm tra việc giám sát thực hiện các chế độ chính sách, các quy định của sản xuất về lĩnh vực tài chính.

Lập kế hoạch về tài chính, thống kê về tài chính, hạch toán SXKD, quản lý vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của công ty.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình kế toán tập trung gồm có phòng kế toán ở trung tâm, các bộ phận phù hợp với công việc, các phần hành kế toán và các nhân viên kế toán được bố trí các bộ phận phụ thuộc đơn vị.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- Kế toán trưởng là người có chức năng tổ chức, kiểm tra công tác kế toán của công ty. Với chức năng này, kế toán trưởng là người giúp việc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán tài chính cho giám đốc. Là người chịu sự lãnh đạo trực tiếp của giám đốc về mặt hành chính.

Nhiệm vụ của kế toán trưởng là tổ chức bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán, tài chính của công ty. Trực tiếp tham mưu giúp giám đốc về các hoạt động tài chính đồng thời nghiên cứu vận dụng chế độ chính sách của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của công ty, xây dựng thành quy chế về tài chính cho công ty.

- Thủ quỹ thực hiện việc thu chi cùng với kế toán có liên quan, theo dõi chặt chẽ các khoản thu chi bằng tiền mặt, đảm bảo an toàn đúng nguyên tắc bảo quản tiền mặt.

- Kế toán thanh toán lập phiếu thu, phiếu chi. Theo dõi và hạch toán toàn bộ các nghiệp vụ liên quan đến quỹ tiền mặt và ngân hàng. Theo dõi và kiểm tra các khoản phải thu, phải trả. Tiến hành phân tích tuổi nợ của từng đối tượng thanh toán, hàng tháng báo cáo tình hình thanh toán của những khách hàng truyền thống, những khoản nợ quá hạn, các khoản vay đến hạn phải trả với kế toán trưởng. Làm công tác giao dịch với ngân hàng.

- Kế toán lao động tiền lương hạch toán toàn bộ các nghiệp vụ có liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương như: BHXH, BHYT... Cuối tháng lập bảng thanh toán lương, hàng tháng lập bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương. Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp về số lương lao động, thời gian lao động, kết quả lao động, từ đó tính lương phải trả và các khoản phải trả phải nộp khác, các khoản phụ cấp trợ cấp cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chứng từ ghi chép ban đầu về lao động tiền lương đúng chế độ, phương pháp quản lý và sử dụng lao động sao cho có hiệu quả và phân tích tình hình quản lý sử dụng thời gian lao động năng suất lao động.

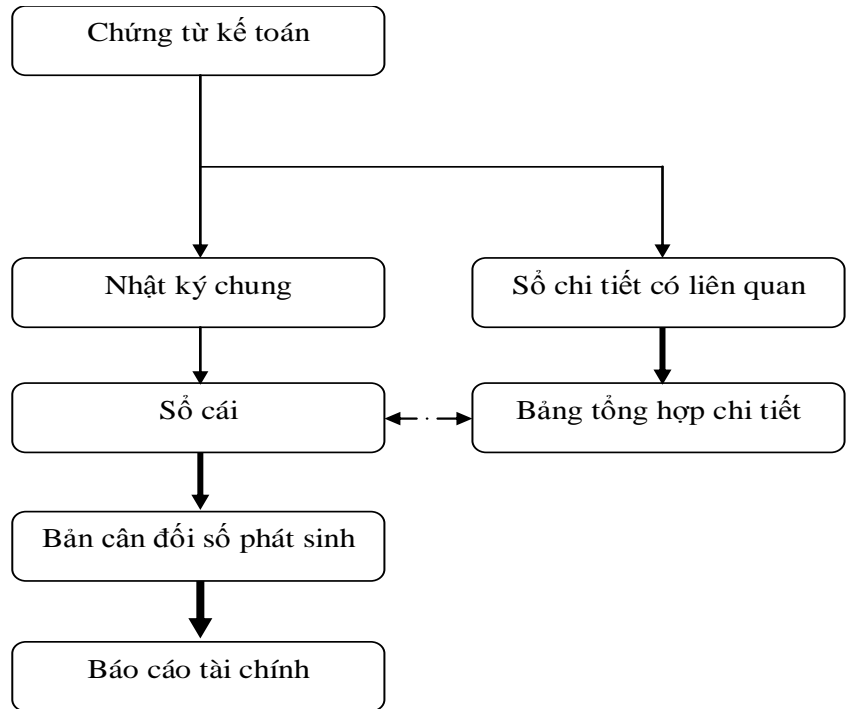
- Kế toán nguyên vật liệu và tài sản cố định lập phiếu xuất kho nhập kho. Theo dõi chất lượng và giá cả hàng nhập trong kỳ, tính giá hàng xuất kho trong kỳ. Lập báo cáo hàng tồn kho và tiến hành kiểm kê theo từng quý. Ghi chép các chứng từ ban đầu NVL, phản ánh tình hình thu mua NVL, tình hình tăng giảm NVL trong kho và thực hiện các định mức tiêu hao và phân bổ vật tư xuất dùng cho đối tượng sử dụng. Phản ánh tổng hợp các số liệu và hiện trạng, giá trị TSCĐ, tính toán phân bổ khấu hao TSCĐ hàng tháng vào chi phí hoạt động kinh doanh.

- Kế toán tổng hợp theo dõi các tài khoản về nguồn vốn và quỹ, từ các chứng từ gốc, kế toán tổng hợp ghi vào sổ kế toán tổng hợp cuối tháng đối chiếu với sổ kế toán chi tiết của các phân hành cụ thể khác. Cuối mỗi tháng kế toán tổng hợp xác định kết quả của các hoạt động kinh doanh báo cáo Kế toán trưởng. Định kỳ lập báo cáo tài chính theo quy định. Tiến hành hạch toán trên sổ sách tổng hợp, lập báo cáo của toàn đơn vị kinh tế cơ sở giúp việc cho kế toán trưởng về việc luân chuyển chứng từ vào sổ sách hợp lý, phân tích tình hình kinh doanh, đề xuất ý kiến về chiến lược kinh doanh, tình hình tiêu thụ, sản xuất để đạt được hiệu quả kinh tế cao.

2.1.5. Tổ chức hình thức kế toán tại công ty

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung là hình thức kế toán đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán, tránh việc ghi chép trùng lặp và đặc biệt có nhiều thuận lợi khi ứng dụng máy vi tính xử lý thông tin trên sổ kế toán.

Đặc trưng cơ bản của hình thức sổ kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Tất cả các chứng từ biểu mẫu mà kế toán sử dụng để theo dõi đều theo hướng dẫn và quy định của Bộ tài chính và pháp lệnh kế toán thống kê.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3

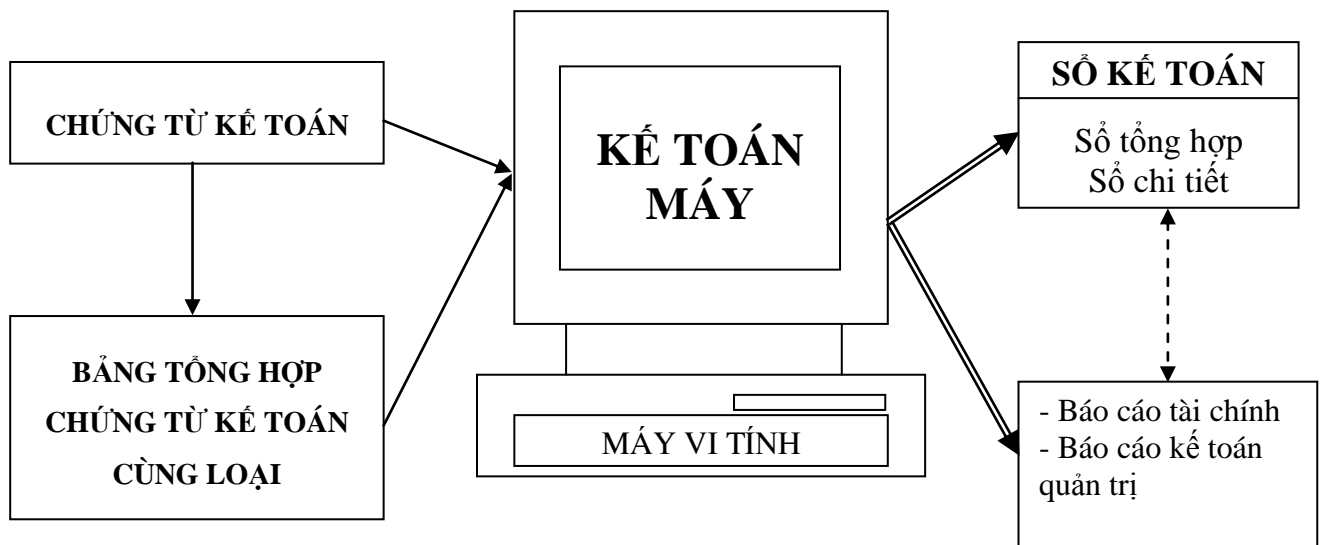
Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Hiện nay công ty sử dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ48/2006

Chính sách kế toán với hàng tồn kho: hàng tồn kho được tính theo giá gốc, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước, hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Báo cáo tài chính được lập vào ngày 31 tháng 12 cuối năm, nộp báo cáo tài chính đến hết ngày 31 tháng 3 năm sau.



Sơ đồ 2.4

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối quý, cuối năm
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán: Mẫu số B01- DNN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B02 – DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B03 – DNN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 – DNN
- Bảng cân đối tài khoản: Mẫu số F01 – DNN

Bảng cân đối kế toán , Báo cáo kết quả kinh doanh, Bản thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo bắt buộc gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng cân đối tài khoản.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập.

Đối với công ty cổ phần thì thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.2.Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt.

2.2.1.Kế toán doanh thu

2.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1.1.Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a.Đặc điểm hàng hóa

Sản phẩm chính của công ty là xăng dầu.

Xăng dầu là mặt hàng thiết yếu và mang tính chiến lược đối với sự phát triển của đất nước, độc quyền Nhà nước.

Xăng dầu bao gồm các sản phẩm của quá trình lọc dầu mỏ, dùng làm nhiên liệu không bao gồm các loại khí hóa lỏng.

Xăng dầu dễ cháy nổ nên công ty thường xuyên báo đảm các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh xăng dầu.

b. Đặc điểm kinh doanh vận chuyển

Công ty chuyên kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa, chuyên chở nội địa với số lượng lớn. Đây cũng là lĩnh vực đem lại doanh thu lớn cho công ty và cũng là dịch vụ chủ lực và thế mạnh của công ty.

Kinh doanh vận chuyển phụ thuộc lớn vào chất lượng tàu và tay nghề của thuyền trưởng cũng như thuyền viên.

Tuy nhiên kinh doanh vận chuyển cũng gặp nhiều rủi ro như bị chậm hàng, tàu hỏng dọc đường, tai nạn giao thông... Vì thế công ty thường xuyên mua mới, sửa chữa nâng cấp trang thiết bị đồng thời cũng thường xuyên đào tạo đội ngũ thuyền viên lành nghề, mua bảo hiểm đầy đủ cho tàu, hàng hóa, đội ngũ thuyền viên...

2.2.1.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm

- Kế toán doanh thu xăng dầu
- Kế toán doanh thu vận chuyển

Tuy nhiên doanh nghiệp chỉ lập Sổ cái tài khoản 511

a. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511
- Tài khoản 111, 112
- Tài khoản 3331
- Và các tài khoản khác có liên quan...

b. Chứng từ kế toán sử dụng

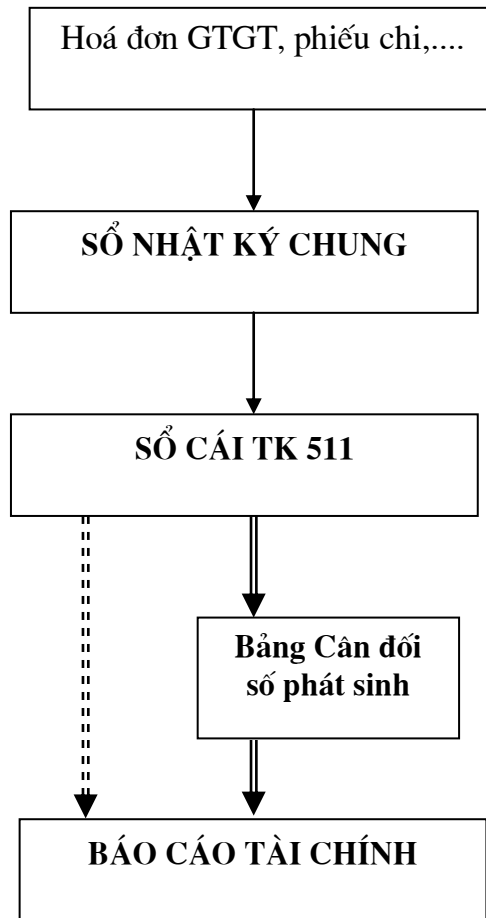
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu
- Và các chứng từ khác liên quan...

c. Sổ kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511
- Sổ cái tài khoản 333, 111, 112, 131...

- Sổ tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các sổ kế toán khác có liên quan...

d. Quy trình luân chuyển chứng từ



- Ghi chú:**
- ▶ Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối quý
 - ←-----▶ Đối chiếu, kiểm tra
 - =====▶ Ghi cuối năm

Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

e. Các nghiệp vụ thực tế phát sinh

- Ngày 30/12/2009 xuất kho 100.000 lít dầu Diesel bán cho công ty TNHH Hà Thịnh
- Ngày 31/12/2009 công ty CP xăng dầu PetroVietNam thuê vận chuyển dầu

Biểu số 2.1

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT

Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
30/12/2009	HD5642	30/12/2009	Bán dầu DO 0.25 100.000 lít	131	1,390,000,000	
30/12/2009	HD5642	30/12/2009	Bán dầu DO 0.25 100.000 lít	138		50,000,000
30/12/2009	HD5642	30/12/2009	Bán dầu DO 0.25 100.000 lít	333		121,818,182
30/12/2009	HD5642	30/12/2009	Bán dầu DO 0.25 100.000 lít	511		1,218,181,818
.....
31/12/2009	HD5646	31/12/2009	Cước vận chuyển dầu FO	131	180,994,875	
31/12/2009	HD5646	31/12/2009	Cước vận chuyển dầu FO	333		8,618,804
31/12/2009	HD5646	31/12/2009	Cước vận chuyển dầu FO	511		172,376,071
.....
			CỘNG		238,660,015,683	238,660,015,683

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung quý 4/2009)

Biểu số 2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
 Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S02c1-DNN
 (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI
Quý 4 năm 2009
 Số hiệu 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			38,041,592,549
			Số phát sinh			
		
30/12/2009	HD5642	30/12/2009	Bán dầu DO 0.25 100.000 lít	131		1,218,181,818
		
31/12/2009	HD5646	31/12/2009	Cước vận chuyển dầu FO	131		172,376,071
		
31/12/2009	KC2043	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9111	57,086,372,842	
			Cộng phát sinh		57,086,372,842	19,044,780,293
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Giám đốc

(Trích sổ cái TK 511 quý 4/2009)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu tài chính

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi được hưởng làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 515, 112...

a. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 112
- Và các tài khoản khác có liên quan...

b. Chứng từ sử dụng

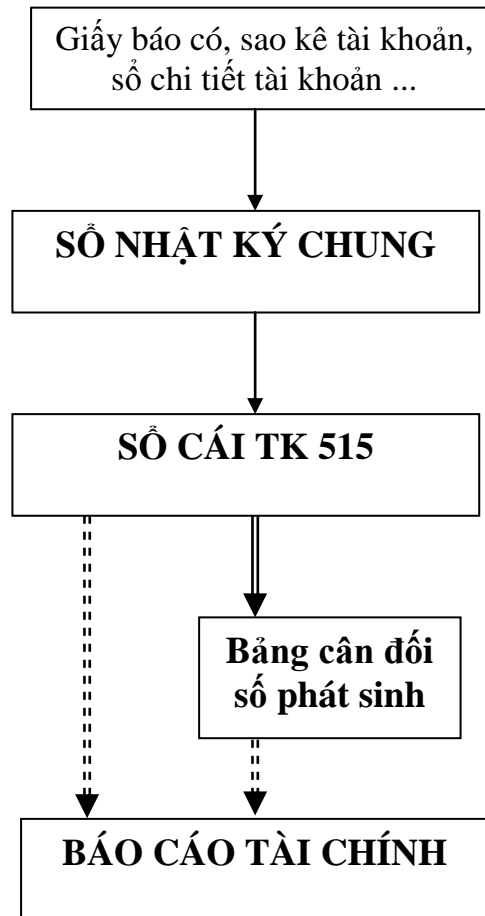
- Giấy báo lãi
- Sổ chi tiết tài khoản của ngân hàng
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Và các chứng từ khác có liên quan...

c. Sổ kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 515, 112
- Sổ chi tiết tài khoản 112
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.6



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối quý
 - ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra
 -→ Ghi cuối năm

e. Nghiệp vụ thực tế

Ngày 25/12/2009, nhận giấy báo lãi của ngân hàng TMCP quân đội về lãi tiền gửi được hưởng

Biểu số 2.3

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIÊN VIỆT
 Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Quý 4 năm 2009

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
25/12/2009	GC-12012/09	25/12/2009	Lãi TK	112	2,859,212	
25/12/2009	GC-12012/09	25/12/2009	Lãi TK	515		2,859,212
25/12/2009	GC-12013/2009	25/12/2009	Lãi TK 5.16usd*18479	112	95,352	
25/12/2009	GC-12013/2009	25/12/2009	Lãi TK 5.16usd*18479	515		95,352
.....
			Cộng		238,660,015,683	238,660,015,683

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung quý 4/2009)

Biểu số 2.4

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
 Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S02c1-DNN
 (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI
Quý 4 năm 2009
Số hiệu 515

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			76,619,878
			Số phát sinh			
30/10/2009	GC-10011/09	30/10/2009	Lãi TK	1121		568,532
25/11/2009	GC-11011/09	25/11/2009	Lãi TK	1121		832,431
25/12/2009	GC-12012/09	25/12/2009	Lãi TK	1121		2,859,212
25/12/2009	GC-12013/09	25/12/2009	Lãi TK 5.16usd*18479	1122		95,352
28/12/2009	GC-12015/09	28/12/2009	Lãi TK 12.89usd*18479	1122		238,194
31/12/2009	KC2044	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	81,213,599	
			Cộng phát sinh		81,213,599	4,593,721
			Số dư cuối quý			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí tại công ty

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

Ghi nhận doanh thu đồng thời ghi nhận giá vốn

Nhưng tại công ty kế toán giá vốn hàng bán chỉ có giá vốn xăng dầu, không ghi giá vốn vận chuyển, ghi tổng hợp sổ cái TK 632

a. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632
- Tài khoản 154, 156...

b. Chứng từ kế toán sử dụng

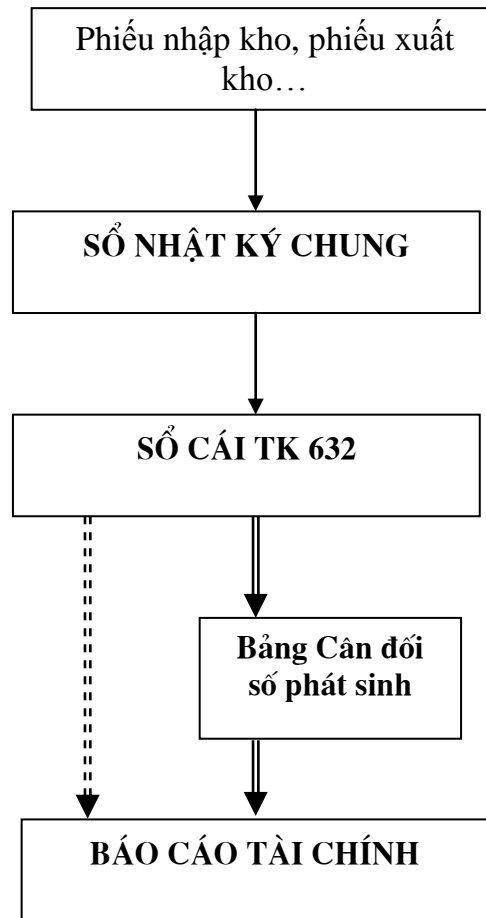
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho: trong trường hợp hàng hóa nhập lại kho

c. Sổ kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

d. Quy trình hạch luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.7



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối quý
 - ←-----> Đối chiếu, kiểm tra
 - =====> Ghi cuối năm

e.Thực tế kế toán giá vốn

Giá vốn dầu xuất bán cho công ty TNHH Hà Thịnh ngày 30/12/2009

Công ty áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước xuất trước, kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

Khối lượng dầu tồn của công ty 225.000 lít đơn giá 10 543,444

Ngày 30/12/2009 công ty xuất bán cho công ty TNHH Hà Thịnh 100.000 lít

Giá vốn: $100.000 \times 10\,543,444 = 1,054,344,370$ đồng

Biểu số 2.5

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
04/12/2009	PXK-12002/09	04/12/2009	Phiếu xuất kho 170.000 lít xuất bán Hà Thịnh	632	1,792,385,429	
04/12/2009	PXK-12002/09	04/12/2009	Phiếu xuất kho 170.000 lít xuất bán Hà Thịnh	156		1,792,385,429
.....
30/12/2009	PXK-12006/09	30/12/2009	Phiếu xuất kho 100.000 lít xuất bán Hà Thịnh	632	1,054,344,370	
30/12/2009	PXK-12006/09	30/12/2009	Phiếu xuất kho 100.000 lít xuất bán Hà Thịnh	156		1,054,344,370
.....
			Cộng		238,660,015,683	238,660,015,683

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung quý 4/2009)

Biểu số 2.6

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIÊN VIỆT
 Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S02c1-DNN
 (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI
Quý 4 năm 2009
 Số hiệu 632

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		26,046,881,256	
			Số phát sinh			
.....
04/12/2009	PXK-12002/09	04/12/2009	Phiếu xuất kho 170.000 lít xuất bán Hà Thịnh	156	1,792,385,429	
.....
30/12/2009	PXK-12006/09	30/12/2009	Phiếu xuất kho 100.000 lít xuất bán Hà Thịnh	156	1,054,344,370	
.....
31/12/2009	KC2040	31/12/2009	Kết chuyển giá vốn	911		51,008,713,652
			Cộng phát sinh		24,961,832,396	51,008,713,652
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc
 (Trích sổ cái Tk 632 quý 4/2009)

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính**a. Tài khoản sử dụng**

- TK 635 – chi phí hoạt động tài chính

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền vay ngân hàng. Hàng tháng công ty nhận giấy báo nợ của ngân hàng về lãi phải trả làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 635, 112...

b. Chứng từ kế toán sử dụng

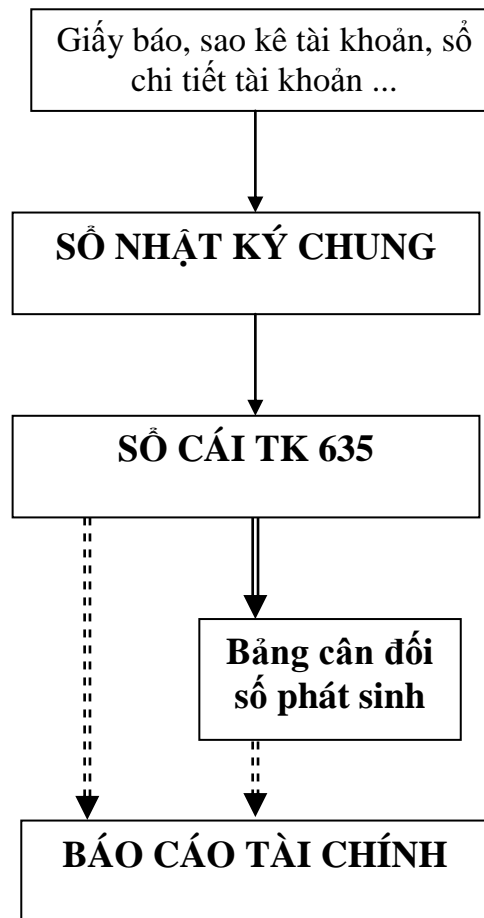
- Giấy báo nợ
- Sao kê tài khoản chi tiết của ngân hàng
- Sổ kế toán chi tiết của ngân hàng
- Và các chứng từ khác có liên quan...

c. Sổ kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 635, 112
- Và các sổ kế toán khác liên quan

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.8



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối quý
 - ←-----> Đối chiếu, kiểm tra
 -=> Ghi cuối năm

e. Nghiệp vụ thực tế

Ngày 30/11/2009 nhận giấy báo của ngân hàng TMCP quân đội về tiền lãi 2 khoản vay

Biểu số 2.7

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT

Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 năm 2009

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
30/10/2009	GN-10034/09	30/10/2009	Tính lãi khoản vay 2,000,000,000	635	17,500,000	
30/10/2009	GN-10034/09	30/10/2009	Tính lãi khoản vay 2,000,000,000	112		17,500,000
.....
30/11/2009	GN-11016/09	30/11/2009	Phiếu tính lãi 2 khoản vay	635	44,333,333	
30/11/2009	GN-11016/09	30/11/2009	Phiếu tính lãi 2 khoản vay	112		44,333,333
.....
			Cộng		238,660,015,683	238,660,015,683

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung quý 4/2009)

Biểu số 2.8

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIÊN VIỆT
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI
Quý 4 năm 2009
Số hiệu 635

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		1,910,449,591	
			Số phát sinh			
30/10/2009	GN-10034/09	30/10/2009	Tính lãi khoản vay 2,000,000,000	112	17,500,000	
30/11/2009	GN-11016/09	30/11/2009	Phiếu tính lãi 2 khoản vay	112	44,333,333	
.....
31/12/2009	KC2041	31/12/2009	Kết chuyển chi phí tài chính	911		3,380,024,789
			Cộng phát sinh		1,469,575,198	3,380,024,789
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích sổ cái Tk 635 quý 4/2009)

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tuy nhiên doanh nghiệp chỉ lập Sổ cái tài khoản 642 mà không lập sổ chi tiết các tài khoản chi tiết 6421 – chi phí bán hàng và tài khoản 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp.

a. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 – chi phí hoạt động kinh doanh
- Và các tài khoản khác có liên quan như tài khoản 111, 112, 133...

b. Chứng từ kế toán sử dụng

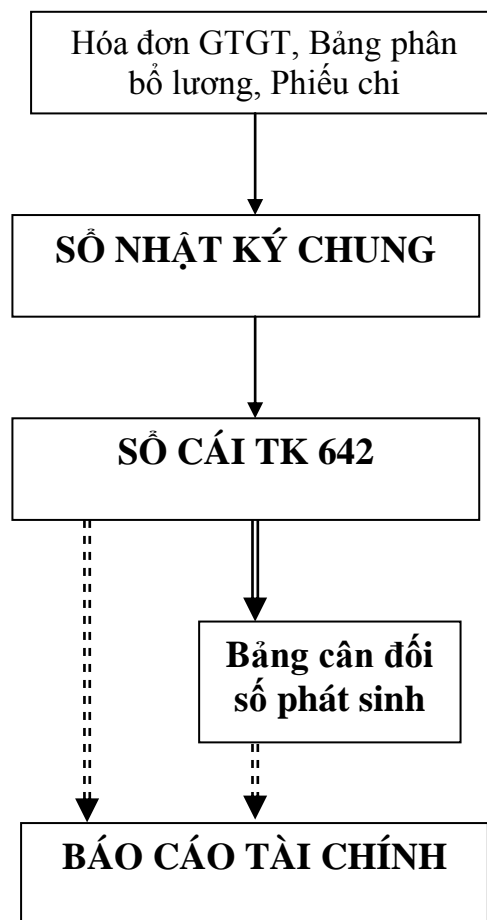
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Bảng chấm công
- Và các chứng từ khác có liên quan...

c. Sổ kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642
- Và các sổ kế toán khác liên quan...

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.9



Ghi chú:

- ▶ Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối quý
- ←-----▶ Đối chiếu, kiểm tra
-▶ Ghi cuối năm

e. *Nghiệp vụ thực tế*

Ngày 26/12/2009 công ty mua văn phòng phẩm và đã thanh toán bằng tiền mặt

Biểu số 2.9

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT

Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 năm 2009

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
26/12/2009	PC-12032/09	26/12/2009	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	642	1,514,000	
26/12/2009	PC-12032/09	26/12/2009	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	133	125,150	
26/12/2009	PC-12032/09	26/12/2009	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	111		1,639,150
.....
			Cộng		238,660,015,683	238,660,015,683

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung quý 4/2009)

Biểu số 2.10

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI
Quý 4 năm 2009
Số hiệu 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		1,172,756,206	
			Số phát sinh			
.....
18/12/2009	PC-12019/09	18/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại	111	1,004,077	
26/11/2009	PC-11024/09	26/11/2009	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	111	1,582,500	
.....
26/12/2009	PC-12032/09	26/12/2009	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	111	1,514,000	
31/12/2009	TH-12008/09	31/12/2009	Hạch toán lương tháng 12	334	72,488,671	
31/12/2009	KC2042	31/12/2009	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		2,116,344,141
			Cộng phát sinh		943,587,935	2,116,344,141
			Số dư cuối quý			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích sổ cái Tk 642 quý 4/2009)

2.2.2.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Sau khi tập hợp chi phí, doanh thu, xác định doanh nghiệp có lãi, kế toán doanh nghiệp tiến hành tính thuế thu nhập doanh nghiệp, xác định thuế chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đầu mỗi quý doanh nghiệp tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Cuối năm dựa trên số thuế Thu nhập doanh nghiệp thực tế, doanh nghiệp tiến hành điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2009, công ty áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp 25%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp = Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp * Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 821 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 3334 – thuế thu nhập doanh nghiệp

b. Sổ kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 821, 333, 911
- Sổ chi tiết tài khoản 333(3334)
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

Biểu số 2.11

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
 Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12/2009	KC2047	31/12/2009	Kết chuyển thuế TNDN hiện hành	911	39,974,891	
31/12/2009	KC2047	31/12/2009	Kết chuyển thuế TNDN hiện hành	821		39,974,891
.....
31/12/2009	TH-12007/09	31/12/2009.	Hạch toán thuế TNDN tạm tính quý 4	821	15,886,552	.
31/12/2009	TH-12007/09	31/12/2009.	Hạch toán thuế TNDN tạm tính quý 4	333		15,886,552
...
			Cộng		238,660,015,683	238,660,015,683

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung quý 4/2009)

Biểu số 2.12

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI
Quý 4 năm 2009
Số hiệu 821

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		24,088,339	
31/12/2009	TH-12007/09	31/12/2009	Hạch toán Thuế TNDN tạm tính quý 4	3334	15,886,552	
			Số phát sinh			
31/12/2009	KC2047	31/12/2009	Kết chuyển thuế TNDN hiện hành	911		39,974,891
			Cộng phát sinh		15,886,552	39,974,891
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng doanh thu – Chi phí hợp lý hợp lệ + Thu nhập khác

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp x Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Lợi nhuận trước thuế x Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 421 – lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên tài khoản 911, xác định số chênh lệch “ Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí “ kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) > 0 (Bên nợ < Bên có)

⇒ Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) = 0 (Bên nợ = Bên có)

⇒ Doanh nghiệp hòa vốn

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) < 0 (Bên nợ > Bên có)

⇒ Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421

b. Sổ kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 911, 421
- Và các sổ kế toán khác có liên quan

c. Thực tế kế toán xác định kinh doanh tại công ty

Cuối quý, ngày 31 tháng 12 năm 2009, doanh nghiệp tập hợp doanh thu, chi phí và kết chuyển sang tài khoản 911

Biểu số 2.13

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý 4 năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đ ối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12/2009	KC2040	31/12/2009	Kết chuyển giá vốn	911	51,008,713,652	
31/12/2009	KC2040	31/12/2009	Kết chuyển giá vốn	632		51,008,713,652
31/12/2009	KC2041	31/12/2009	Kết chuyển chi phí tài chính	911	3,380,024,789	
31/12/2009	KC2041	31/12/2009	Kết chuyển chi phí tài chính	635		3,380,024,789
31/12/2009	KC2042	31/12/2009	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	2,116,344,141	
31/12/2009	KC2042	31/12/2009	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642		2,116,344,141
31/12/2009	KC2043	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911		57,086,372,842
31/12/2009	KC2043	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	57,086,372,842	
31/12/2009	KC2044	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		81,213,599
31/12/2009	KC2044	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	81,213,599	
31/12/2009	KC2045	31/12/2009	Kết chuyển chi phí khác	911	460,940,964	
31/12/2009	KC2045	31/12/2009	Kết chuyển chi phí khác	811		460,940,964
31/12/2009	KC2046	31/12/2009	Kết chuyển thu nhập khác	911		376,132,650
31/12/2009	KC2046	31/12/2009	Kết chuyển thu nhập khác	711	376,132,650	

Khoá luận tốt nghiệp - Đại học Dân lập Hải Phòng

31/12/2009	KC2047	31/12/2009	Kết chuyển thuế TNDD hiện hành	911	39,974,891	
31/12/2009	KC2047	31/12/2009	Kết chuyển thuế TNDD hiện hành	821		39,974,891
31/12/2009	KC2048	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động kinh doanh	911	3,921,340,158	
31/12/2009	KC2048	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động kinh doanh	42121		3,921,340,158
31/12/2009	KC2049	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động tài chính	911		3,298,811,190
31/12/2009	KC2049	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động tài chính	42122	3,298,811,190	
31/12/2009	KC2050	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác	911		84,808,314
31/12/2009	KC2050	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác	42123	84,808,314	
.....
			Cộng		238,660,015,683	238,660,015,683

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung quý 4/2009)

Biểu số 2.14

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI
Quý 4 năm 2009
Số hiệu 911

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12/2009	KC2040	31/12/2009	Kết chuyển giá vốn	632	51,008,713,652	
31/12/2009	KC2041	31/12/2009	Kết chuyển chi phí tài chính	635	3,380,024,789	
31/12/2009	KC2042	31/12/2009	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	2,116,344,141	
31/12/2009	KC2043	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		57,086,372,842
31/12/2009	KC2044	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		81,213,599
31/12/2009	KC2045	31/12/2009	Kết chuyển chi phí khác	811	460,940,964	
31/12/2009	KC2046	31/12/2009	Kết chuyển thu nhập khác	711		376,132,650
31/12/2009	KC2047	31/12/2009	Kết chuyển thuế TNDD hiện hành	821	39,974,891	
31/12/2009	KC2048	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động kinh doanh	42121	3,921,340,158	
31/12/2009	KC2049	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động tài chính	42122		3,298,811,190
31/12/2009	KC2050	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác	42123		84,808,314
			Cộng phát sinh		60,927,338,595	60,927,338,595
			Số dư cuối quý			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.15

*Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC)*

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

SỔ CÁI
Quý 4 năm 2009
Số hiệu 421

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			47,067,756
			Số phát sinh			
31/12/2009	KC2048	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động kinh doanh	9111		3,921,340,158
31/12/2009	KC2049	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động tài chính	9112	3,298,811,190	
31/12/2009	KC2050	31/12/2009	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác	9113	84,808,314	
31/12/2009	TH-12010/09	31/12/2009	Thuế TNDN phải nộp trong năm	3334	104,448,995	
			Cộng phát sinh		3,488,068,499	3,921,340,158
			Số dư cuối quý			480,339,4159111

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một bản báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động của doanh nghiệp. Số liệu trên báo cáo này cung cấp những thông tin tổng hợp về phương thức kinh doanh, về việc sử dụng các tiềm năng vốn, lao động, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý của doanh nghiệp và chỉ ra rằng các hoạt động kinh doanh đó đem lại lợi nhuận hay gây ra tình trạng lỗ vốn. Đây là một báo cáo tài được các nhà lập kế hoạch rất quan tâm, vì nó cung cấp các số liệu về hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp đã thực hiện được trong kỳ. Nó được xem là một bản hướng dẫn để dự báo xem doanh nghiệp sẽ hoạt động ra sao trong tương lai.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT.

3.1. Nhận xét chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt.

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua thời gian thực tập ở công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt, được sự giúp đỡ của các cô, các anh, chị phòng kế toán và sự hướng dẫn chỉ bảo của cô giáo Nguyễn Thị Thúy Hồng em đã hoàn thành công việc nghiên cứu công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bằng những kiến thức đã học cộng với thực tế em đã rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá riêng của mình như sau.

3.1.1.Đánh giá chung

Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt là một công ty có uy tín lớn trên thị trường.

Hàng năm công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra, hàng năm công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho cán bộ công nhân viên góp phần tăng thêm sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với công ty.

Đặc biệt vì kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, lĩnh vực phụ thuộc đến chất lượng tay nghề của đội ngũ thuyền viên nên hàng quý, hàng năm công ty luôn tổ chức các đợt khám sức khỏe cũng như kiểm tra, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ thuyền viên.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.1.2. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy của công ty phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Mỗi nhân viên kế toán trong công ty phụ trách một phần hành kế toán riêng biệt giúp cho công tác kế toán được chuyên môn hóa, tiết kiệm thời gian, chi phí và chính xác hơn.

Công tác tổ chức bộ máy kế toán của công ty là hợp lý, phù hợp với bộ máy sản xuất kinh doanh của công ty và hoạt động có hiệu quả, cung cấp kịp thời các thông tin về tình hình tài chính với cấp trên nhằm đưa ra các biện pháp kịp thời, nhanh chóng về tình hình tiêu thụ hàng hóa trên thị trường. Đây là vấn đề sống còn với bất kỳ công ty nào đang kinh doanh trong môi trường cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường.

Kế toán trưởng là người giàu kinh nghiệm trong nghề, có trình độ toàn diện về kế toán, hiểu biết và nắm vững các chế độ kế toán, có khả năng hướng dẫn các kế toán viên thực hiện phần nhiệm vụ của mình. Nhờ đó mà các nhiệm vụ của phòng kế toán được thực hiện nhịp nhàng theo đúng chế độ quy định, đáp ứng nhu cầu quản lý về mặt tài chính.

- *Về hình thức kế toán*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

Với sự hỗ trợ của kế toán máy, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

- *Về chứng từ kế toán sử dụng*

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, không tẩy xóa, sửa chữa, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó khi cần có thể tìm chứng từ một cách nhanh chóng, chính xác giúp cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

- *Về sổ sách kế toán sử dụng*

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước.

Không áp dụng một cách cứng nhắc, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra những sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đôi chiếu.

- *Về hệ thống báo cáo kế toán*

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

- *Về phương thức thanh toán*

Công ty áp dụng cả hai phương thức thanh toán: tiền mặt và chuyển khoản. Trong đó, phương thức thanh toán chuyển khoản được sử dụng chủ yếu. Với việc sử dụng phương thức thanh toán chuyển khoản giúp công ty dễ dàng kiểm soát được luồng tiền của mình, tránh được các rủi ro như tiền giả, mất mát...

3.1.3. Những hạn chế còn tồn tại ở công ty

- *Về chính sách bán hàng*

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của ba năm gần đây, doanh nghiệp chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

- *Về sổ kế toán sử dụng*

Theo nguyên tắc kế toán Sổ cái được mở cho tài khoản tổng hợp cấp một, sổ chi tiết tài khoản được mở cho tài khoản chi tiết cấp hai. Tuy nhiên hiện nay công ty chỉ mở sổ cái cho “ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” , “ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán” mà không mở sổ chi tiết tài khoản 5111, 5113, 6321, 6323.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt.

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện.

Mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Trong giai đoạn 2006 – 2010 là giai đoạn củng cố hội nhập, giai đoạn này tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc máy móc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kế toán phát sinh.

- Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc

3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt.

- *Ý kiến 1: Tuyển thêm nhân viên kế toán*

Hiện nay nhân viên kế toán tổng hợp của công ty ngoài công việc của kế toán tổng hợp còn phụ trách công việc quan hệ, giao dịch với các ngân hàng, làm nghiệp vụ ngân hàng phải đi lại nhiều thường xuyên, do đó nhiều lúc dẫn đến công việc bị dồn đống quá tải. Vì vậy công ty nên tuyển mới đào tạo một nhân viên kế toán để hỗ trợ, giúp đỡ cho nhân viên kế toán tổng hợp, giúp cho công việc kế toán được nhanh chóng thuận lợi.

- *Ý kiến 2: Chính sách bán hàng*

Là một công ty có uy tín trên thị trường, thường xuyên có những hợp đồng giá trị lớn, công ty đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả các mặt hàng không ngừng biến động, để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có một số những chính sách mới như:

+ Mở thêm chi nhánh ở các tỉnh , thành phố khác để tìm kiếm bạn hàng mới, khách hàng mới cũng như để quảng bá thương hiệu của công ty

+ Có chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc. Tùy từng loại mặt hàng mà công ty có thể áp dụng các chính sách giảm giá, chiết khấu cho phù hợp. Về mặt hàng xăng dầu, khách hàng của công ty thường là những khách hàng quen thuộc, thường xuyên nên chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán áp dụng là phù hợp.

Ngoài ra trong quá trình vận chuyển thường xảy ra rủi ro như giao chậm hàng, tai nạn giao thông, do kỹ thuật, tay nghề thuyền viên... vì vậy khi có thông báo xảy ra rủi ro của khách hàng, công ty nên cử người đến kiểm tra, nếu đúng trách nhiệm thuộc về công ty, công ty nên chấp nhận giảm giá cho khách hàng dù khách hàng có yêu cầu giảm giá hay không để đảm bảo uy tín chất lượng sản phẩm , dịch vụ của công ty.

Với chính sách chiết khấu giảm giá hàng bán công ty nên mở thêm “Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại” và “Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán”

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau

Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.

Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán như sau:

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

Giảm giá hàng bán

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 532 - Số tiền giảm giá cho hàng bán

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp theo số tiền giảm giá

Có TK 111,112,131 - Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ hạch toán kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu:

Nợ TK 511 - Giảm giá hàng bán

Có TK 532 - Kết chuyển giảm giá hàng bán

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể công ty không thể giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

Trong hợp đồng, công ty nên nêu rõ việc áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng tùy thời điểm khách hàng thanh toán tiền nợ, cụ thể:

+ Khách hàng trả trong vòng 3 tháng kể từ ngày phát sinh nợ hưởng chiết khấu thanh toán với tỷ lệ 0,7% trên số tiền ghi nợ.

+ Khách hàng trả trong khoảng từ 3 đến 6 tháng kể từ ngày phát sinh nợ hưởng chiết khấu thanh toán với tỷ lệ 0,5% trên số tiền ghi nợ.

Ví dụ:

Theo hóa đơn số 5642, ngày 30 tháng 12 năm 2009, công ty bán dầu cho công ty TNHH Hà Thịnh với tổng số tiền là 1.390.000.000 đồng.

Nếu công ty Hà Thịnh thanh toán đủ số tiền trên trong vòng 3 tháng thì công ty Hà Thịnh sẽ được mức chiết khấu là $1.390.000.000 \times 0,7\% = 9.730.000$.

Nếu công ty Hà Thịnh thanh toán đủ số tiền trên trong vòng 3 đến 6 tháng thì công ty Hà Thịnh sẽ được mức chiết khấu là $1.390.000.000 \times 0,5\% = 6.950.000$.

Với việc áp dụng chiết khấu thanh toán cho công ty Hà Thịnh như vậy đã làm tăng chi phí. Tuy nhiên việc này lại khuyến khích khách hàng nhanh thanh toán, giúp ích cho công ty trong công việc quay vòng vốn, sử dụng vốn một cách hiệu quả hơn.

+ Công ty hiện đang phản ánh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến bán hàng và quản lý doanh nghiệp vào “Tài khoản tổng hợp 642 – Cho phí quản lý kinh doanh”.

Để kiểm soát chi phí được chặt chẽ, chính xác, hiệu quả hơn, công ty nên mở chi tiết “Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh thành hai tài khoản chi tiết

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng dùng để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

- *Ý kiến 3: Thêm sổ kế toán*

Hiện nay công ty không lập sổ chi tiết cho các tài khoản 5111, 5113, 6321, 6323.

Vậy công ty nên mở sổ chi tiết cho các tài khoản trên đồng thời kết hợp với sổ tổng hợp doanh thu bán hàng và sổ tổng hợp giá vốn hàng quý, hàng năm của công ty để công việc đối chiếu được dễ dàng, số liệu chính xác, tránh sai sót.

Ngoài ra , với việc mở thêm tài khoản chi tiết 6421, 6422, 521, 532, kế toán đồng thời mở thêm các sổ chi tiết tài khoản 6421, 6422, 521, 532, Bảng tổng hợp chi tiết.

Chi phí quản lý doanh nghiệp – TK 6422 sẽ chia thành các tiểu khoản:

- TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 65222: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 64223: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 64224: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 64225: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 64228: Chi phí bằng tiền

Ví dụ

- 1) Lập sổ chi tiết các tài khoản 5111, 5113, bảng tổng hợp doanh thu.
- 2) Lập sổ chi tiết các tài khoản 6321, 6323, bảng tổng hợp giá vốn
- 3) Sổ cái chi tiết tài khoản 6422

Biểu số 3.1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
 Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 5111
Doanh thu xăng dầu
Quý 4 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
27/12/2009	HĐ5638	27/12/2009	Bán 150.000 dầu DO	131		1,813.636,364
29/12/2009	HĐ5640	29/12/2009	Bán 45.000 dầu DO	131		544,090,909
30/12/2009	HĐ5642	30/12/2009	Bán dầu DO 0.25 100.000 lít	131		1,218,181,818
.....
31/12/2009	KC	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa	911	15,952,171,137	
			Cộng phát sinh		15,952,171,137	15,952,171,137
			Dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Kế toán trưởng

Biểu số 3.2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
 Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 5113
Doanh thu vận chuyển
Quý 4 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
30/12/2009	HĐ5644	30/12/2009	Cước vận chuyển dầu DO	131		888,907,329
30/12/2009	HĐ5645	30/12/2009	Cước vận chuyển	131		117,208,841
31/12/2009	HĐ5646	31/12/2009	Cước vận chuyển dầu FO	131		172,376,071
31/12/2009	KC	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	911	41,134,201,705	
			Cộng phát sinh		41,134,201,705	41,134,201,705
			Dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Kế toán trưởng

Biểu số 3.3

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIÊN VIỆT
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2009

Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền
5111	Doanh thu xăng dầu	15,952,171,137
5113	Doanh thu vận chuyển	41,134,201,705
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	57,086,372,842

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

Biểu số 3.4

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐÀU
TỰ BIỂN VIỆT**
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay
Cát Bi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 6321
Giá vốn xăng dầu
Quý 4 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
04/12/2009	PXK-12002/09	04/12/2009	Phiếu xuất kho 170.000 lít dầu xuất bán	156	1,792,385,429	
09/12/2009	PXK-12005/09	09/12/2009	Phiếu xuất kho 45.000 lít dầu xuất bán	156	474,454,967	
30/12/2009	PXK-12006/09	30/12/2009	Phiếu xuất kho 100.000 lít dầu xuất bán Hà Thịnh	156	1,054,344,370	
31/12/2009	KC	31/12/2009	Kết chuyển giá vốn xăng dầu	911		14,898,849,072
			Cộng phát sinh		14,898,849,072	14,898,849,072
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Kế toán trưởng

Biểu số 3.5

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
 Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6323
Giá vốn vận chuyển
Quý 4 năm 2009

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
07/12/2009	MV10-12013/09	07/12/2009	Cước chuyển tải dầu	154	126,706,957	
.....
18/12/2009	MV10-12025/09	18/12/2009	Cước chuyển tải dầu	154	42,550,567	
.....
31/12/2009	KC	31/12/2009	Kết chuyển giá vốn vận chuyển	911		36,109,864,580
			Cộng phát sinh		36,109,864,580	36,109,864,580
			Dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Kế toán trưởng

Biểu số 3.6

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BIỂN VIỆT
Thửa 4 khu B3 lô 6B khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi

Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán
Năm 2009

Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền
6321	Giá vốn xăng dầu	14,898,849,072
6323	Giá vốn vận chuyển	36,109,864,580
632	Giá vốn hàng bán	51,008,713,652

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu số 3.7

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Tài khoản: 6422

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 642				
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra			
						TK 64221	TK 64222	TK 64224	TK 64227
			Số d- đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
.....
20/11/2009	PC 11018/09	20/11/09	Thanh toán tiền điện thoại	111					2.208.046
30/11/2009	PB 0578	30/11/09	Trích khấu hao TSCĐ	2141				3.326.239	
30/11/2009	TH-11007/09	30/11/09	Hạch toán l- ong tháng 11	334		28.265.000			
.....
			Cộng phát sinh trong kỳ						
			Ghi có TK 6422						
			Số d- cuối kỳ						

- Ý kiến 4: Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thấy một tóm lược dòng tiền trong một thời kỳ. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hay còn gọi là báo cáo dòng tiền hay báo cáo nguồn tiền và sử dụng nguồn, thể hiện cách nhìn về dòng tiền hoạt động, dòng tiền đầu tư, và dòng tiền tài trợ.

Hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí mà bản chất là quá trình tiêu thụ hàng hóa một phần được thể hiện trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ qua các chỉ tiêu như: Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính...

Năm 2009 là năm công ty mới lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cả năm 2009. Công ty nên tiếp tục lập để có số liệu so sánh, từ đó thấy rõ hơn sự luân chuyển của dòng tiền, giúp công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hiệu quả hơn, giúp chủ doanh nghiệp đánh giá đúng tình hình thực tế và đưa ra những chiến lược kinh doanh hiệu quả.

- Ý kiến 5: Phân tích báo cáo tài chính

Hàng năm công ty nên tiến hành phân tích báo cáo tài chính (hay phân tích tình hình tài chính) nhằm làm rõ xu hướng, tốc độ tăng trưởng, thực trạng tài chính của doanh nghiệp, chỉ ra những thế mạnh và cả tình trạng bất ổn nhằm đề xuất những biện pháp quản trị tài chính đúng đắn và kịp thời để phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của cuốn luận văn tốt nghiệp với đề tài: " Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt" .

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ...phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty em xin phép đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện chuyên đề này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô đặc biệt là cô giáo Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng cùng các anh chị phòng kế toán trong công ty cổ phần thương mại và đầu tư Biển Việt đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành chuyên đề.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Sinh viên: **Lưu Thị Phương Thảo**